

NHỮNG TÍCH TẮC CỦA SỐ PHẬN

Nguyễn Ngọc Hoa

12 tháng 3 năm 2023

Những Tích Tắc của Số Phận kể lại những câu chuyện mà tác giả đã trải qua, chứng kiến, hay nghe thuật lại trong khoảng thời gian quanh biến cố 30 Tháng Tư 1975, ngày đau thương nhất của đất nước trong lịch sử cận đại. Tập truyện không phải là hồi ký, tự truyện, hay tài liệu ghi lại dữ kiện lịch sử.

Tác giả dùng nhân vật xưng “tôi” như nhân chứng thuật lại chuyện xưa; nhân vật này không phải chính tác giả mà có thể mang dáng cách, tâm sự của bạn bè cùng thời. Mọi nhân vật khác đều được dựng nên, tiểu thuyết hóa cho phù hợp với câu chuyện, và có thể không tương ứng với nhân vật có thực nào.

Tác giả Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu. Tác giả sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế. Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuột; kỹ thuật điện ở Trung tâm Quốc Gia Kỹ thuật, Sài Gòn; và điện tử và viễn thông ở Đại học Khoa học Sài Gòn.

Ông là giảng viên vật lý và kỹ thuật điện tại một số đại học y khoa và kỹ thuật ở Sài Gòn trước 1975; sang Hoa Kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; Lần lượt học quản trị xí nghiệp, quản trị công quyền, và kinh tế ở University of North Dakota; Làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.

NGƯỜI LÍNH GIÀ CÔ ĐỘC

Hai giờ sáng ngày Thứ Hai, 10 tháng Ba năm 1975, Ban Mê Thuột bị tấn công và trưa hôm sau thất thủ. Tôi không biết điều này cho đến sáng Thứ Tư, khi tôi sắp kết thúc bài giảng Điện thuật ở giảng đường trên lầu hai trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Đức. Thằng Thống hiện ra trước cửa lớp, không màng giữ kẽ trước mặt sinh viên như thường lệ, và la lớn,

–“Mẹ kiếp, mất cha nó Ban Mê Thuột rồi!”

–“Thật vậy sao?” tôi quay lại, tựa lưng vào bảng đen, và thần thờ buông viên phấn trên tay xuống bục gỗ.

–“Tối qua đài BBC loan tin, và sáng nay đài Phát thanh Sài Gòn xác nhận nhưng bảo rằng quân ta đang nỗ lực phản công tái chiếm thị xã,” giọng bạn tôi dầm nước mắt.

BBC là Công ty Phát thanh Anh quốc, phát thanh chương trình Việt ngữ vào lúc bảy giờ tối hàng đêm, và loan truyền tin tức đáng tin cậy hơn nguồn tin của chính phủ. Tôi đã chuẩn bị tinh thần cho việc Việt Nam Cộng Hòa (“VNCH”) mất thêm một phần lãnh thổ vào tay Cộng sản hay bị thất bại nặng nề hơn, nhưng làm sao không sửng sốt ngỡ ngàng khi mà xứ BMT Buôn Muôn Thuở, Bụi Mù Trời, và Bé Mả Thương của tôi không còn nữa. Đó là thành phố tôi sống hai năm cuối cùng của thời trung học, in dấu bao nhiêu kỷ niệm của thuở học trò mới lớn. Đó cũng là nơi cư ngụ của chị Ngọc Liên chị dâu tôi và các cháu con anh Quang, anh lớn của tôi.

Anh Quang cưới chị Ngọc Liên sau khi tốt nghiệp trường Võ bị Quốc gia và đổi về Sư đoàn XX Bộ tư lệnh đặt tại Ban Mê Thuột. Anh tình nguyện chỉ huy toán thám báo chuyên hoạt động trong lòng địch, cuối hè 1970 bị địch sát hại sau hai năm tung hoành núi rừng cao nguyên, và để lại cho chị ba đứa con sinh năm một còn bé dại: thằng Dưỡng, thằng Hoàng, và con bé Mỹ Huyền.

Chị dạy học ở trường nữ tiểu học Nguyễn Công Trứ và đồng thời hăng hái hoạt động xã hội trong chức vụ Chủ tịch hội Quả phụ Tử sĩ tỉnh Darlac. Để giảm bớt gánh nặng cho chị, cha mẹ đưa thằng Dưỡng về ở với *nội* và *mẹ*. Thằng bé năm nay tám tuổi, học lớp ba trường tiểu học Bắc Hải cạnh cổng trước của cư xá, là người duy nhất trong nhà được cha bày tỏ quan tâm hay săn sóc, và bữa ăn được ngồi ăn chung mâm với *nội*. (Cha ăn cơm riêng một mình ở nhà trên, mẹ và anh em tôi ăn ở nhà dưới – bao nhiêu năm nay vẫn thế.)

Như một cái máy, tôi xếp sách vở vào cặp và cùng thằng Thống bước xuống cầu thang về văn phòng tôi. Nó cay đắng tiếp tục,

-“Người ta đồn ông Thiện bỏ ngỏ Ban Mê Thuột để *làm nư* với thằng Mỹ cho nó xiêu lòng chị thêm quân viện trước khi miền Nam hết sạch súng ống đạn dược.”

-“Ông ta không ngu đến nỗi liều đánh nước bài *thấu cáy* đó,” tôi lắc đầu.

-“Cả một quân lực một triệu hai trăm ngàn quân thiện chiến đứng hàng thứ tư trên thế giới mà từ ông chớp bu, đến Tướng Khâm cầm đầu chính phủ và Bộ Quốc phòng, Tướng Văn cầm đầu quân lực, và Tướng Phán cầm đầu quân đoàn đều bị thằng Việt Cộng qua mặt cái ào, lừa một cú ngon ơ. Nó dùng kế nghi binh, hô lên đánh lấy Pleiku là nơi đặt bộ tư lệnh quân đoàn, làm cha con ùn ùn kéo hết quân về giữ, để trống Ban Mê Thuột cho nó xơi tái. Mà nghĩ có tức không?”

-“Mày đừng tin lời *bàn Mao Tôn Cương* của BBC mà kết luận vội vàng, tội nghiệp ông Thiện. Bọn BBC lắm lúc cũng thiên vị ‘phe bên kia,’ lời bình luận *bình loạn* của nó chắc gì đã đúng?”

Mao Tôn Cương sống dưới thời nhà Thanh ở Trung Hoa là người đã hiệu đính, chú thích, và phê bình bộ truyện *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* tục truyền do La Quán Trung đời nhà Minh thu thập và biên soạn. “Lời bàn Mao Tôn Cương” là phần phê bình của ông in ở mỗi cuối chương sách và khi dùng trong cách nói mỉa chỉ lời bình luận ngoài lề có thêm các chi tiết không có thực cho câu chuyện hào hứng và hấp dẫn hơn.

Trên đường từ trường Khoa học Kỹ thuật Minh Đức về nhà, tôi gượng bình tĩnh, nhưng đầu óc rối beng và chưa nghĩ ra làm sao báo tin dữ cho mẹ và chị Ngọc Liên biết. Ba tuần trước, chị về Sài Gòn chữa bệnh; chị xuống một mình, để hai đứa con nhỏ lại nhờ ông bà ngoại trông nom, và nằm trong bệnh viện Sùng Chính trên đại lộ Trần Hưng Đạo. Đó là bệnh viện tư, do bang Hẹ (Hakka) người Hoa đóng góp đất đai và tiền bạc và thành lập được vài năm nay. Nhưng tôi không phải lo lâu vì vừa dắt xe vào nhà, tôi thấy chị cùng với mẹ và Quỳnh Châu ngồi quanh bàn ăn trong nhà bếp ngóng đợi. Chị lấy bẫy đứng dậy ôm tôi khóc,

-“*Ba Hoa* ơi, đêm qua trong nhà thương chị mơ thấy thằng Hoàng và con Huyền máu me đầy mặt. Sáng nay thằng Thoại em chị vào thăm và báo cho chị biết khu phố đối diện với chợ Ban Mê Thuột trên đường Y Jút đã trở thành bãi gạch vụn; nhà chị ở đó. Chị xin về nhà xem cha hay em có cách nào hỏi xem ba má chị và hai đứa nhỏ sống chết ra sao không.”

–“Chị ráng bình tâm. Gia đình mình ở hiền gặp lành, hai cháu và hai bác và gia đình sẽ không sao đâu,” nhưng tôi không tin điều mình nói.

“Có tin đồn chính phủ mình sẽ cắt vùng *nớ* giao cho phe *bên tê* thành một nước thứ ba, giống như kỳ chia cắt đất nước năm 54. Trời ơi, *như rứa* thì nhà mình *làm răng* gặp lại hai đứa nhỏ?” mẹ thút thít, mắt mẹ đỏ hoe.

Bỗng nhiên, trong bộ quân phục chỉnh tề, cha từ trên lầu bước xuống. So với sáng nay trước khi tôi ra khỏi nhà, trông cha già hẳn đi, và đôi mắt cha hõm vào sâu hơn. Cha đã từng cầm quân bảo vệ vùng cao nguyên, biết rõ vị trí và địa thế của từng ngọn núi, từng khu rừng, từng con suối, và từng buôn Thượng, và đánh Việt Cộng nhiều trận tan tác.

Cha góp phần xây dựng và phát triển Sư đoàn XX thành đoàn ó cao nguyên oai hùng, một thời làm cỏ hết Sư đoàn 320 Sao Vàng của Cộng sản. Cha được tôn vinh là “Anh hùng Vững Rô” sau khi chỉ huy trận đánh và – lần đầu tiên trong cuộc chiến – bắt giữ hai chiếc tàu lớn chở đầy vũ khí mang từ ngoài Bắc vào tại Vững Rô. Đó là cái vịnh nhỏ cảnh trí xinh đẹp nằm dưới chân đỉnh đèo Cả giáp giới hai tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên. Cha cũng có lần tham gia chính trị và ứng cử dân biểu đơn vị Darlac nhưng không thành công. Cha chỉ tay vào mặt tôi sai khiến,

“Tao cần vào bộ Tổng Tham mưu ngay bây giờ.”

Từ ngày cha hồi hưu về Sài Gòn sau thời gian phục vụ ở Bộ Tư lệnh Quân khu II, tôi là tài xế của cha. Cha ngồi chễm chệ ở băng sau, phía bên phải, giống như thời giữ chức vụ hành chánh đứng đầu một tỉnh. Trong gia đình, mỗi lời nói của cha là luật là lệnh; từ nhỏ đến lớn, tôi nhận lệnh và thi hành mà rất ít khi (đúng hơn là chưa bao giờ) hỏi lại cha điều gì. Trước khi tôi ra *ga-ra* lấy xe, Quỳnh Châu đưa cho tôi cái túi nhỏ đựng chiếc bánh ú và lon *Coca-Cola* lạnh – bữa cơm trưa của tôi.

Tôi lái xe đưa cha vào Bộ Tổng Tham mưu gần phi trường Tân Sơn Nhất, qua hai trạm kiểm soát an ninh, và cuối cùng đậu xe trước một tòa nhà lớn. Một sĩ quan cấp úy kính cẩn chào đón cha và hướng dẫn đi đâu đó. Tôi nhìn chiếc bánh ú nhưng không muốn ăn, uống hết lon *Coca-Cola*, mệt mỏi ngả đầu nhắm mắt dưỡng thần, và đọc nhắm lời Phật dạy hiện lên trong trí,

Bàn tay không thương tích,

Có thể cầm thuốc độc.

Không thương tích, tránh độc,

Không làm, không có ác.

(Kinh Pháp cú 124 – Từ bản dịch của Thầy Thích Minh Châu)

Với bàn tay không thương tích, có thể nắm thuốc độc mà không bị nhiễm độc; với người không làm ác thì không bao giờ bị ác. Đó không phải là điều “ở hiền gặp lành” tôi buột miệng khuyên nhủ chị Ngọc Liên hay sao? Tin tưởng người thân ở Ban Mê Thuật sẽ “*không có ác*,” tôi thấy âu lo dần dần lắng dịu, thiếp đi dưới nắng chiều nóng bức, và choàng tỉnh dậy khi nghe tiếng mở cửa và đóng cửa xe đánh rầm của cha, “Thôi mình đi về.”

Sau bữa cơm tối, cha sai thằng Trọng (em út tôi) đi mua một xị đế rồi bắc ghế ngồi trước bao lơn uống một mình. Khi ngà ngà say, cha nói lớn tiếng, dường như muốn cho tôi nghe mà không làm trái với nguyên tắc không trò chuyện với con cái của cha,

-“Tao dành ra tám năm của đời binh nghiệp để bảo vệ Ban Mê Thuột; nó là cái rún của cao nguyên và có địa hình đặc biệt tạo ưu thế cho chiến tranh du kích. Tỉnh Darlac dựa trên Quốc lộ 14, chạy dài từ phía Nam là tỉnh Quảng Đức tiếp giáp với Vùng III Chiến thuật đến phía Bắc là hai tỉnh Phú Bổn và Pleiku. Phía Tây là dãy rừng già tiếp giáp với Cam-Bốt. Ngoài ra, quận Phước An của Darlac phía Đông Bắc Ban Mê Thuột nổi cao nguyên và miền duyên hải tại thị trấn Khánh Dương trên Quốc lộ 21.”

Cha nốc thêm một ly rượu, giọng nói lè nhè,

-“Ngày còn là Đại úy đi học khóa chiến lược và chiến thuật ở trường Đại học Quân sự (bây giờ là trường Chỉ huy và Tham mưu), tao nghiên cứu tài liệu từ thời Pháp thuộc nói ‘muốn giữ cao nguyên phải giữ Ban Mê Thuột, và muốn giữ miền Nam phải giữ cao nguyên.’ Vậy mà tụi nó cả gan giao trọng trách cho mấy thằng hữu danh vô thực, có khác *chi* đem dâng miền Nam cho kẻ thù.”

Tôi giữ im lặng (có bao giờ tôi dám ngắt lời cha), nhưng cha biết tôi đang lắng nghe. Giọng cha nức nở,

-“Tao đã làm hết sức mình. Tao gặp mấy thằng cấp bậc cao nhất, lạy lục nó, năn nỉ nó, xin xỏ nó – biểu nó cho tao tái ngũ về Ban Mê Thuột cứu vãn tình thế, thân già này có chết cũng cam tâm. Vậy mà mấy thằng chó đẻ không chịu và cười khinh vào mặt tao.”

Mắt tôi cay xè, niềm thương cảm dâng tràn. Cha tôi, người lính già cô độc, sẵn lòng hiến thân mình và kinh nghiệm mấy mươi năm trận mạc để trả nợ núi sông, nhưng không được chấp nhận. Trong một phút xuất thần quên hẳn thực tế, tôi tưởng tượng đang cùng cha đối ẩm, nâng ly rượu nồng, và đọc lên bài hát cổ của Vương Hàn, “Lương Châu tử” hay khúc hát Lương Châu,

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi,

Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi.

Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiểu,

Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

(Bồ đào rượu ngắt chén lưu ly

Toan nhấp tỳ bà đã giục đi.

Say khướt sa trường anh chớ mĩa,

Xưa nay chinh chiến mấy ai về?)

Ngay trong giờ phút đó, Trung đoàn YY thuộc Sư đoàn XX vẫn tiếp tục chiến đấu và trấn giữ phi trường Phụng Dực cách Ban Mê Thuột tám cây số về phía Đông (Chỉ với một tiểu đoàn bộ binh và một trung đội pháo binh nhẹ, toán quân đơn độc anh dũng chống lại một lực lượng địch đông gấp chục lần và trang bị chiến xa và đại bác đủ loại trong suốt bảy ngày đêm. Trong số những anh hùng hy sinh cho đất nước hay bị giặc bắt trong trận này, có một số bạn cũ trường Trung học BMT của tôi.)

Hai hôm sau, đêm thứ Sáu 14 Tháng Ba, BBC loan tin Sư đoàn XX của cha không còn hiện hữu trên chiến trường, và thị xã Ban Mê Thuột và tỉnh Darlac không còn trên bản đồ hành chính VNCH.

Tôi lịm chết giữa điệu buồn chất ngất

Thả hồn xuôi theo kỷ niệm xa mờ

Phút vị vong thắp lại nén hương thừa

Mà tưởng nhớ một thời xưa đã sống.

(Nguyễn Đình – “Thời Gian”)

CHẲNG CÒN LO ÂU GÌ NỮA

Cuộc “di tản chiến thuật” triệt thoái quân đội ra khỏi cao nguyên xuống Tuy Hòa thuộc tỉnh Phú Yên để “tái phối trí” lực lượng được coi là thảm bại lớn nhất của VNCH từ trước đến nay.

VNCH tạo được yếu tố bất ngờ khi chọn đường rút lui là Quốc lộ 7 bỏ phé không dùng từ thời Pháp thuộc. Tuy nhiên, đoàn quân di chuyển rất chậm vì công binh phải sửa đường và cầu cho người và cơ giới đi qua trong điều kiện thời tiết khó khăn, và dân chúng ùn ùn bám theo đoàn quân để tránh nạn Cộng sản. Rồi Cộng quân cũng bắt kịp đoàn người di tản và ra tay tấn công kịch liệt khiến vô số quân và dân bỏ xác dọc đường. Khi đến đích, các đơn vị chiến đấu đều tan rã.

Chỉ mới một tuần mà thế cuộc xoay vần như một cơn ác mộng. Ban Mê Thuột thất thủ và cao nguyên rơi vào tay Cộng sản. Có tin đồn VNCH sẽ bỏ Vùng I Chiến thuật và giao thêm vùng đất từ Qui Nhơn trở ra cho Cộng sản. Nếu thế, Huế và Đà Nẵng, nơi phần lớn họ hàng nhà tôi ở, sẽ nằm sau bức màn sắt; năm 1954 khi đất nước chia đôi những người bà con đó đã một lần di cư từ Quảng Bình vào Nam để khỏi sống dưới ách Cộng sản. Và khi nào đến lượt Sài Gòn, đến lượt tôi?

Ở nhà tôi, bữa cơm tối linh hoạt và ấm cúng ngày nào nay lặng lẽ và tẻ ngắt. Quỳnh Châu và em Bình không còn chuyện trò giòn giã, và hai em nhỏ nhất là Lâm và Trọng cầm cúi ăn và ăn xong là đứng dậy dắt tay cháu Dưỡng lên phòng. Dưỡng đã ăn cơm với cha ở nhà trên và đứng lảng vảng chờ hai chú. Lâm năm nay mười bảy tuổi học trường trung học Nguyễn Du cạnh cổng sau cư xá; Trọng mười lăm tuổi học trường trung học Đồng Tiến trên đường Nguyễn Tri Phương nối dài; và Dưỡng tám tuổi học trường tiểu học Bắc Hải cạnh cổng trước của cư xá.

Tôi ráng giữ thái độ bình thản để người thân khỏi bận lòng, nhưng vẻ mặt bơ phờ ưu tư của tôi không che mắt được ai; mẹ thở dài ái ngại,

-“Mi ráng ăn, không ngon miệng cũng phải ăn cho nhớ bữa.”

Đợi Quỳnh Châu và em Bình dọn bàn xong, tôi đứng dậy lấy xe dắt ra ngoài. Quỳnh Châu vội theo tôi ra cửa, chìa má cho tôi hôn từ giã, và không nói một lời, đôi mắt nàng buồn rười rượi. Tôi chạy xe loanh quanh, không biết mình muốn tới đâu, và cuối cùng thấy mình dừng xe trước nhà trọ thẳng Tú. Nó chào tôi với nụ cười héo hắt,

-“Tao tính chạy vào nhà mày đây. Bỗng dưng muốn gặp một thằng bạn, không biết để làm gì. Mẹ nó, ‘ông’ có cảm tưởng như là tên tử tù chờ ngày lên đoạn đầu đài.”

-“Tứ từ còn biết được lúc nào nào lên máy chém, còn tụi mình thì bắt phải hồi hộp đợi chờ. Tao tính rủ mày đi ăn nhậu uống bia giải buồn đây.”

-“Ừ, đi thì đi. Mày tính đi đâu?”

Từ khi thằng Tú giải ngũ về Sài Gòn đến nay, đây là lần đầu tiên nó phá cách nhận lời mời ra ngoài ăn nhậu với tôi. Thường thì nó vờ kể khổ, “Thôi miễn cho tao, ‘ông’ đau như thế này, cái chân què như thế này, đi đứng chả tiện tí nào.” Khi vui hơn thì nó cười cợt, “Uống bia với mày rồi ‘ông’ quen thói, mai mốt không có mà uống thì đâm ra thiếu thốn thèm thường; thôi tao ở nhà cho rồi.”

Hai thằng đi nhậu nhậu hấp bên lề đường Nguyễn Tri Phương và nói chuyện về thằng Song và thuở ba thằng mới về Sài Gòn học. Đạo đó, thằng Tú học Luật và bị thằng Song chê là “dân tình lẻ” vì dáng điệu nghiêm trang, lối phục sức chỉnh tề, và cặp kính cận màu xanh vừa là kính mát (mắc tiền hơn kính cận thường) của nó. Sinh viên năm thứ nhất đại học phải làm dáng trí thức, đọc tiểu thuyết hiện sinh “cuộc đời phi lý và buồn nôn,” cố làm ra vẻ nổi loạn bất cần đời, và khiến bề ngoài của mình càng nhàu nhò tồi tàn càng tốt; ai mà... đứng đắn đàng hoàng như nó?

Thằng Song nói trông thằng Tú giống như cụ Lý chọn được ngày lành tháng tốt để xuất du ra chốn thành đô và gặp ai cũng khúm núm cúi đầu, “Thưa ông, cháu là Lý Toét ở quê ra.” *Con giun xéo mãi cũng oằn*, và hơn nữa thằng Tú hiền lành nhưng không phải là tay kém cỏi. Một hôm “cụ Lý” ra chiêu phản pháo bằng hai câu thơ thật... thâm thúy khiến thằng Song cứng họng,

Cụ Lý gơ tay mó củ biu,

Bèn đưa lên mũi thấy đui hiu.

Thằng bạn cựu chiến binh chống đôi nạng gỗ đi học Văn khoa vẫn bị thằng Song chọc ghẹo và chế giễu như thường, “bác nhà quê tình lẻ” trở thành “thằng què giết giặc.” Khi thằng Tú mang chân nhân tạo và đi đứng khá bình thường, thằng Song nghĩ ra câu đùa bỡn mới,

-“Vậy là từ nay ‘Ngày Trở Về,’ không còn có *anh nông phu chống nạng cày bừa* mà chỉ có *anh thôn phu ‘ấy’ vợ dằng trời*.” “Thôn phu” là người đàn ông ở thôn quê.

-“Mày nói quá đáng, có ít xít ra nhiều. Trong quân y viện, tao nghe mấy thằng thương bệnh binh kháo nhau nếu bị cưa chân quá đầu gối thì kể như chuyện *ấy đi đong*; chân què này hết còn làm ăn gì được nữa rồi chúng mày ạ,” thằng Tú mỉm cười cãi.

-“Nhưng mày chỉ cụt một chân, còn sức lực ít nhất là năm mươi phần trăm. Vậy thì đổi thành có *anh sinh viên ‘ấy’ vợ hàng tuần*. Khà khà.”

Tôi mới gặp thằng Song tháng trước. Nó từ Pleiku về Sài Gòn công tác, nói khéo với Quỳnh Châu để rủ tôi đi chơi qua đêm, và đưa tôi đi uống bia ở quán bia gần góc đường Trần Quốc Toản và Sư Vạn Hạnh. Thằng Tú thuật lại thuở nó học chung với thằng Song và vợ là Ngự Thanh,

-“Con Thanh lớn hơn thằng Song một tuổi. Nó là hoa hậu trường trung học Pleiku, chỉ chấm một mình thằng láu cá học giỏi nhất trường đó, và giữ riết không cho nó *léng phéng* với con nhỏ nào khác. Hai đứa như chim liền cánh cây liền cành, cho đến khi thằng Song đậu Tú tài II

và đậu vào trường Điện với mày. Con Thanh thi rớt Tú tài II, ở lại Pleiku, và xin làm giáo viên dạy tiểu học.”

Phần tiếp theo của mối tình đó thì tôi biết rõ. Trong thời gian học ở trường Điện, tôi và thằng Song chia sẻ mọi thứ và không giấu nhau điều gì, kể cả chuyện tình cảm riêng tư. Ngày nào Ngự Thanh cũng viết thư cho nó, thư nào thư nấy dày cộm chi chít những hàng chữ nắn nót và rần rori trên giấy học trò kẻ ô.

Viết thư trả lời là công việc quan trọng nhất trong ngày, có lần chiều thứ Sáu thằng Song mua cuốn vở một trăm trang, để nguyên cuối tuần viết thư cho “vợ” (khi nói chuyện với bạn bè nó gọi nàng như thế), và sáng thứ Hai ra bưu điện gửi nguyên cuốn vở cho nàng. Nó hay đưa thư nàng cho tôi đọc, nhất là khi thư có đoạn vừa ý, nhưng tôi chỉ liếc sơ qua vài dòng đầu, đưa trả thư, và cười nhạo,

-“Thư tình chỉ hay ho giữa hai kẻ mê nhau chết bỏ. Đối với kẻ vô can vô cố vô tội như tao, lời lẽ tình tứ ướm át nòng nân lâm ly bi đát của tụi mày không hơn tiểu thuyết tâm lý xã hội của Bà Tuyền Lương bao nhiêu.”

Giữa năm đệ tứ niên của nó, các bạn trong trường vô cùng ngạc nhiên khi thấy sau kỳ nghỉ về nhà ăn Tết, nó về Sài Gòn với ngón tay đeo nhẫn cưới: Nó cưới Ngự Thanh mà không đợi đại đăng khoa (thi đậu) rồi mới đến tiểu đăng khoa (lấy vợ) như nhiều người khác. Nó nói vắn tắt, xem như chẳng có gì quan trọng,

-“Mẹ tao nói lấy vợ phải lấy liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha. Bà ưng thì để bà làm, bên nhà con Ngự Thanh cũng muốn vậy, mất chi mà cản.”

Thằng Song nay là một người cầm đầu ty Điện lực Pleiku. Nó và Ngự Thanh có hai cậu con trai khá khinh, đứa lớn lên năm và đứa nhỏ lên ba. Nhìn đồng hồ thấy còn sớm, tôi định gọi thêm bia “33” nhưng thằng Tú xua tay,

-“Mày uống thêm thì uống chứ tao đủ đô (dose) rồi. Tao hỏi mày tại sao thằng quý sứ Song nhất định *tử thủ* Pleiku mà không lo mang vợ con chạy thoát lấy thân?”

-“Làm sao tao biết được? Kể mày nghe, lúc còn ở trường hai thằng tao viết chung cái truyện ngắn đưa đăng trong đặc san xuân sinh viên Cao đẳng Điện học; hy vọng câu chuyện giả tưởng ngày trước không lung lạc quyết định của nó,

Một chàng kỹ sư trẻ phụ trách nhà máy điện chạy bằng động cơ đi-ê-zen (diesel) cung cấp điện cho một thành phố nhỏ ở miền đèo heo hút gió. Rồi thành phố sắp bị giặc tấn công. Trước thế địch quá mạnh, quân ta quyết định triệt thoái để bảo toàn lực lượng, và dân chúng lũ lượt bồng bế nhau đi theo và di chuyển về vùng an toàn. Chàng kỹ sư cùng với anh thợ trẻ thân tín nán lại, tiếp tục điều hành nhà máy, và giữ đèn điện ngoài đường và trong nhà sáng trưng để dân chúng dễ dàng sắp xếp đồ đạc và vật dụng mang theo.

Khi gia đình cuối cùng rời khỏi thành phố, hai thầy trò tắt cỗ máy điện, hì hục mở động cơ, lấy ra con heo dầu tức là bộ phận điều tiết dầu mà nếu không có cỗ máy không thể hoạt động, và mang chôn dấu trước khi tìm cách thoát khỏi vòng vây của địch đang thắt chặt. Hai người trốn thoát khỏi tay giặc, nhưng bị quân ta tưởng nhầm là địch quân và bắn chết.

Thằng Tú xúc động,

-“Thị xã Pleiku có điện cho đến ngày cuối cùng trước khi thất thủ. Rõ ràng thằng Song hành động giống như thằng kỹ sư trong truyện, mà thấy không?”

-“Tao mong nó gặp may mắn hơn,” nước mắt tôi rưng rưng.

-“Lấy con heo đầu để địch không thể sử dụng nhà máy thì tao hiểu. Nhưng tại sao không hủy phá hay vứt mẹ xuống sông cho mất biệt mà mất công chôn dấu?” bạn tôi băn khoăn.

-“Vì nghĩ rằng khi quân ta tái chiếm thành phố và dân chúng trở về sinh sống, *hắn* ta sẽ lấy lại con heo đầu, ráp vào máy, và tiếp tục phục vụ khách hàng theo trách vụ người kỹ sư.”

Hồi đó, tôi và thằng Song còn viết chung truyện dài *Một Mai Hòa Bình*. Truyện kể, khi thanh bình trở về với đất nước, hai người bạn nối khố cùng nhau phiêu du từ Nam ra Bắc trên chiếc xe Jeep mở mui trần, lái dọc theo Quốc lộ 1, và viếng thăm từng địa điểm dọc đường. Họ thưởng thức những món ăn địa phương, thăm những thắng cảnh quê hương, kết giao bằng hữu, và có khi vấn vương tình cảm lưu luyến. Viết xong, tôi và thằng Song dịch ra tiếng Anh và nhờ anh bạn Leon người Mỹ trong đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế của tôi hiệu chính. Trước khi chia tay, thằng Tú kề tai tôi nói nhỏ,

-“Này này hôm trước thằng bạn Biệt động quân ghé thăm tao, tao biểu nó kiếm cho tao vài quả lựu đạn, và hôm qua nó mang tới một tá. Bọn Cộng đánh tới đây, tao không có súng để *chơi* lại AK-47, nhưng với mấy quả lựu đạn, có *đi* ‘ông’ cũng kéo theo dăm bảy thằng. Giờ ‘ông’ yên chí rồi, chẳng còn lo âu gì nữa!”

-“Tao cũng tính vậy, rõ ràng chí lớn gặp nhau,” tôi gật gù.

-“Mày cần không, tao chia cho một nửa?”

-“Không, hồi tối đến tìm mày là tao định hỏi mày câu tương tự. Thằng Thắng Nhảy Dù vừa cho tao một thùng.”

-“Sư mày, sao không nói ngay để ‘ông’ khỏi phải đi uống bia với mày cho quen thói?”

Tôi thấy nhẹ nhõm trong lòng. *Que Será, Será* (Việc gì đến, sẽ đến). Khi cuộc chiến đấu tối hậu xảy đến, giặc dữ vào đây, tuy tôi sẽ khó lòng *ra đi* nhẹ nhàng như mong muốn, nhưng đã có phương tiện để không chịu khuất phục làm kẻ thua trận ngàn đời. *Chẳng còn lo âu gì nữa!*

CHỈ CÓ MỖI MỘT CON ĐƯỜNG

Chiều hôm ấy, thứ Sáu mùng 4 Tháng Tư, tôi làm việc ở trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Đức trên đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận gần phi trường Tân Sơn Nhất. Tôi tổng kết điểm thi thực tập cuối năm và phác họa những dự án cần thực hiện trong kỳ nghỉ hè sắp tới với Dân. Dân tốt nghiệp kỹ sư điện cơ khóa đầu tiên của Minh Đức và được giữ lại trường làm Phụ tá Trưởng phòng Máy Điện từ đầu năm nay. Công việc xong, Dân ngưỡng nghịu đưa cho tôi tấm thiệp báo hỉ,

-“Gia đình con *bờ* em giục làm đám cưới gấp vì người ta đồn Việt Cộng vào sẽ bắt con gái lấy thương binh tụi nó. Thầy cô tới dự với em cho vui.”

Bỗng có tiếng la rất lớn bên ngoài, “Máy bay rớt, máy bay rớt bà con ơi!” Tôi và Dân chạy ra và ngược mặt lên nhìn về hướng phi trường. Trên nền trời mây xám, chiếc máy bay quân sự C-5A bốc khói và lảo đảo cố bay lên. Cửa lớn đằng sau đuôi mở xuôi xuống, người và đồ đạc tuôn ra

là tả thành những vệt đen dài rải rác một góc trời. C-5A là loại phi cơ vận tải lớn nhất của quân đội Hoa Kỳ, và đó là chuyến bay đầu tiên chở cô nhi sang Hoa Kỳ làm con nuôi theo chiến dịch Không vận Ấu nhi (Operation Babylift) mà báo chí đăng tải và bình luận trong mấy ngày qua.

Cảnh tượng chết thảm của cả trăm trẻ em rơi từ độ cao bảy ngàn thước xuống đất ám ảnh tôi cả cuối tuần. Tôi nằm ngủ mơ thấy em Định máu me đầy mình, em khóc nói, “Họ ác lắm anh ơi, anh chạy đi cho mau”. Em tôi tu tập và săn sóc cô nhi ở chùa Pháp Hải Ninh Hòa, nhưng mấy tuần nay không có tin tức của em. Sáng thứ Hai, tôi dạy ở Ngành Điện của Đại học Kỹ thuật Thủ Đức ở Phú Thọ, lên giảng đường nhưng không xách theo cặp da như thường ngày, và áp úng câu nói soạn sẵn trong đầu,

-“Cám ơn các anh chị đã chăm chỉ học hành trong lục cá nguyệt vừa qua. Trong tình thế này, tôi rất tiếc không còn tinh thần để giảng dạy. Kể từ giờ phút này, khóa học của chúng ta kết thúc,” và trước hơn sáu mươi khuôn mặt trẻ ngỡ ngàng, tôi nói thêm, “Mời các anh chị xuống Phòng Giáo sư dùng cà phê trước khi mình chia tay.”

Trong Phòng Giáo sư, tôi để sẵn hai bình lọc cà-phê tự động lớn người Mỹ dùng trong các *cafeteria* mà tôi tha về trong chuyến ra Nha Trang giúp mẹ dọn nhà. Mẹ muốn đem cho hay liệng bỏ nhưng tôi *tiếc của đời* vác về Sài Gòn dùng ở trường. Hôm qua tôi ra quán Cà-phê Nhân mua năm kí cà-phê xay sẵn và ghé tiệm tạp hóa mua một chục hộp sữa Ông Thọ, vậy là buổi tiệc già tử sẵn sàng. Vài sinh viên tên tò thú nhận đây là lần đầu tiên được thưởng thức cà phê, chắc hẳn là món xa xỉ đối với học trò nghèo.

Các em đứng xúm xít quanh tôi và nôn nóng hỏi về hiện tình đất nước mà ước gì tôi có câu trả lời. Trong trường xầm xì về hai giáo sư có vợ ngoại quốc đã theo vợ về nước và vài giáo sư du học Hoa Kỳ về, hàng ngày ra Tòa Đại sứ đội nắng xếp hàng xin được *bốc đi*; các em hỏi tôi,

-“Thầy có tính đi ngoại quốc như các thầy đó không?”

-“Tôi ở lại Sài Gòn đến ngày cuối cùng, nhưng sẽ không bao giờ sống chung với Cộng sản,” tôi trả lời không do dự.

Trong lớp này có Thận là anh trung úy Công binh người Nam được quân đội gửi đến học. Thận ngoài ba mươi tuổi, học giỏi, và thường ngày lễ độ, nhưng hôm nay anh gay gắt chất vấn tôi,

-“Phe bên kia’ vào đây, đất nước thống nhất và hòa bình; sao thầy ra đi?”

-“Vì không thể sống với kẻ thù.”

-“Thầy còn trẻ và chưa từng ở trong quân đội, làm sao có thể xem họ là kẻ thù không đợi trời chung?”

-“Tôi sinh ra ở Quảng Bình phía Bắc vĩ tuyến 17. Năm 1954, sau hiệp định Genève chia cắt đất nước, tôi di cư vào Nam để trốn tránh họ.”

Thận không bị thuyết phục dễ dàng,

-“Lúc đó thầy còn nhỏ, di cư theo người lớn chứ không phải vì thù ghét Cộng sản.”

-“Giữa tôi và họ có một mối thù sâu nặng. Thay vì di cư, ông nội tôi chọn ở lại quê nhà để ‘sống thờ phụng ông bà và giữ gìn mồ mả tổ tiên, thác chôn nơi quê cha đất tổ.’ Họ buộc ông tôi vào tội địa chủ, đấu tố và sát hại, và chiếm đoạt nhà cửa ruộng vườn. Dưới chiêu bài cải

cách ruộng đất, ông Hà và chính quyền miền Bắc ra tay giết người cướp của, số nạn nhân như ông tôi lên tới hàng trăm ngàn người.”

–“Biết đâu Cộng sản năm 1975 đổi khác thầy ơi,” Thận dịu giọng.

–“Anh cứ tưởng tượng họ áp đặt vào miền Nam chính sách hiện tại ở miền Bắc như không có quyền tư hữu, tự do tôn giáo, hay tự do ngôn luận. Xã hội miền Nam của chúng ta sẽ bị đảo lộn và khốn khổ đến mức nào? Thí dụ, không có quyền tư hữu nghĩa là tiền bạc của cải anh dành dụm cả đời hay cha ông để lại, hôm trước là của gia đình anh, hôm sau bị cướp đoạt ngang xương bằng cách tuyên phán là của nhân dân tức là của đảng. Làm sao sống nổi?”

Thận gắng gượng bào chữa,

–“Dầu gì đi nữa, ‘phe bên kia’ cũng là người Việt máu đỏ da vàng...”

–“Nhưng không có nhân tính và cực kỳ xảo quyệt,” tôi ngắt lời anh và cất cao giọng, “Tôi tin lời ông Thiện, *đừng nghe những gì Cộng sản nói, mà hãy nhìn những gì Cộng sản làm*. Riêng tôi, khi còn là sinh viên trường Điện như các anh chị, đôi khi tôi lên mở *radio* bắt ‘đài bá âm’ Hà Nội xem đời sống ngoài Bắc ra sao. Một đêm, trong thời kỳ không quân Hoa Kỳ oanh tạc Bắc Việt dữ dội, tôi bắt được bản tin,

“Một đồng chí tiểu phu ở Thái Nguyên tên Xyzt vác rựa và đòn gánh lên rừng đốn củi. Nhân ở trên núi cao ngang tầm với máy bay và trông thấy chiếc máy bay ném bom siêu âm tầm xa Con Ma [tức là phi cơ chiến đấu F-4 Phantom do hãng McDonnell Douglas chế tạo] bay qua, đồng chí Xyzt bèn nhanh trí đưa đòn gánh thọc lên trời, tức thì hạ được chiếc Con Ma, và anh hùng dùng rựa chế ngự hai thằng ‘giặc lái’ và bắt trói chúng giải về thành nộp cho công an.”

Chiều thứ Ba, thầy Phong vào Phú Thọ gặp tôi. Thầy là giáo sư bảo trợ luận án tiến sĩ kỹ sư của tôi ở Đại học Khoa học Sài Gòn, Trưởng ban Điện ở Khoa học Kỹ thuật Minh Đức, và đồng thời là bạn tâm giao. Thầy đưa cho tôi văn thư của bộ Ngoại giao Úc; tôi đọc qua và ngạc nhiên,

–“Làm sao có chuyện may mắn này? Em có xoay xử xin xỏ gì đâu mà Úc thông báo nhận gia đình em vào nước họ?”

–“Trước đây ít lâu, tôi liên lạc với cô vợ cũ Emily ở Melbourne và nhờ tìm cách giúp gia đình tôi ra khỏi Việt Nam. Tôi là cựu sinh viên du học Úc và đồng thời là cha đẻ của bé Oliver là công dân Úc. Sáng nay, ông tham vụ ngoại giao Tòa Đại sứ Úc đến trường Khoa học tìm tôi và đưa cho tôi hai cái văn thư, một cái cho tôi và một cái nhờ chuyển cho anh, yêu cầu mang gia đình đến trình diện Tòa Đại sứ để được cung cấp phương tiện di dân.”

Dạo cô Emily ở Sài Gòn, thầy Phong thường bận rộn nên hàng tuần nhờ tôi đưa cô đi nghe nhạc phòng trà. Cô có cảm tình đậm đà với tôi, ngày cuối cùng trước khi về Úc, tình cờ gặp tôi ngoài phố và bịn rịn từ biệt, và từ đó không có tin tức. Thầy giải thích,

–“Emily vận động với trường đại học cũ của tôi và bà con bạn bè để họ đứng ra bảo lãnh và thỉnh cầu chính phủ Úc giúp gia đình hai đứa mình di tản. Bộ Ngoại giao Úc chấp thuận và điện về Tòa Đại sứ ở Sài Gòn.”

“Nghĩa là thầy và em chỉ việc mang gia đình vào Tòa Đại sứ Úc và họ sẽ *bốc* mình đi?” tôi mừng khắp khởi dù chưa tin là thực.

-“Nếu dễ dàng như vậy thì ông tham vụ đã không thân chinh tới bàn chuyện với tôi. Vì liên hệ ngoại giao giữa Úc và VNCH hiện đang bất đồng căng thẳng, và đồng thời để ngăn chặn làn sóng người xin nhập cư sang Úc, chính phủ mình cô lập Tòa Đại sứ và chỉ cho phép nhân viên chính thức ra vào làm việc mà thôi.”

Sau hiệp định Genève, Úc công nhận VNCH về mặt pháp lý và không có liên hệ ngoại giao với miền Bắc. Năm 1962, Úc gửi một toán huấn luyện bộ binh đến giúp miền Nam và từ năm 1965, trực tiếp tham chiến với tư cách quân đội đồng minh. Tuy nhiên, cuối năm 1972, đảng Lao động thiên tả Úc thắng cử lên cầm quyền, thay đổi hoàn toàn chính sách ngoại giao, và công nhận chính quyền Hà Nội nhưng vẫn duy trì Tòa Đại sứ tại Sài Gòn. Thầy Phong ngao ngán thất vọng nhưng vẫn khuyên tôi,

-“Nếu anh có cách vượt qua trạm ngăn chặn của cảnh sát thì êm xuôi. Vào tới Tòa Đại sứ là mình đặt chân lên lãnh thổ Úc, họ sẽ lo liệu phần còn lại.”

Tôi chạy xe ngang qua Tòa Đại sứ Úc xem xét tình hình. Đoạn đường khoảng một trăm thước đầy vòng rào kẽm gai và *ngựa sắt* (tường cản kết bằng dây kẽm gai có bánh xe di chuyển), cảnh sát dã chiến vũ trang đầy mình, và cảnh sát lưu thông xét hỏi gắt gao người và xe cộ ra vào. Về nhà, tôi thuật lại với mẹ và Quỳnh Châu, nàng nảy ra ý kiến,

“Hay là nhờ cha *đóng bộ* mang quân phục, *lon lá*, và huy chương đầy đủ như còn tại chức, ngồi trên xe anh lái đưa cả gia đình vào, và ra oai nờ mấy ông cảnh sát? Phải mạnh miệng làm dữ họ mới ngán và nhường đường.”

“Không được *mô*. Hồi *nớ* cha *bây* được tài đánh giặc và *khoát nạt* lính tráng và vợ con, *chừ* về hưu thì cong lưng rụt cổ có dám đi *mô* mà mong. Có ra ngoài thì cũng rụt lười cứng họng, còn chút gan dạ *mô* mà làm oai làm tướng với ai,” mẹ gạt đi.

-“Vậy chồng không được gặp lại cô Emily yêu dấu, buồn năm phút *hí*?” Quỳnh Châu nheo mắt và véo tay tôi.

Chuyện hụt đi Úc tới tai cha, tối tối cha sai thằng Trọng út ra quán mua một xị đế rồi bắc ghế ngoài bao lơn ngồi uống và mở máy mắng ra rả,

“Trí thức có học mà ngu xuẩn nghe lời Cộng sản tuyên truyền, uống công *tau* nuôi ăn học tới giáo sư đại học! Ngày nào thằng Thiện còn thì miền Nam không thể mất, sớm muộn *chi hấn* cũng tìm ra giải pháp chính trị thỏa đáng.”

Tôi nghe chửi một tuần thì được giải ách; đài phát thanh đọc thông cáo cho biết mọi công dân Việt Nam ngoài hạn tuổi quân dịch, không can án, và không thiếu thuế đều được phép xuất ngoại nếu có đơn xin. Đó là luật lệ hiện hành và được công bố có lẽ để trấn an dân chúng. Cha mừng rỡ sai thằng Sang em kế tôi,

-“*Mi* đem giấy tờ đi làm thủ tục và mua vé máy bay cho *tau* đi Pháp, có nhiều bà con bên *nớ*. Nếu không *tau* đi Mỹ ở với thằng Triết cũng được.”

Thằng Sang là sĩ quan Pháo binh từ Phan Thiết chạy về, đôi ba ngày vào Bộ Tư lệnh Pháo binh trung ương trình diện một lần để khỏi lo bị kết tội đào ngũ, và ngoài ra rảnh rỗi nằm nhà. Em Triết kể nó đang du học ở tiểu bang Texas. Thằng Sang vâng lệnh cha lấy xe Honda ra đi và chiều tối về báo cáo,

-“Con lên Bộ Nội vụ đứng sắp hàng chờ cả ngày. Đến phiên con hỏi thì họ nói chưa có nhân viên để điều tra và cứu xét giấy tờ và hẹn ngày mồng một tháng Năm trở lại.”

Tôi biết thằng Sang không hề đi hỏi tin tức mà lên gần cổng Bộ Nội vụ trên đường Nguyễn Du ngồi uống cà-phê vỉa hè và tán dóc với mấy thằng *đệ tử* Phan Thiết. Tôi và cha hầu như bất đồng ý kiến về mọi khía cạnh của cuộc đời, tôi chỉ câm miệng hến không dám nói ra. Tuy nhiên, có một điểm tôi đồng ý với cha: Trong tình thế này, chỉ có mỗi một con đường để sống còn – thoát khỏi Sài Gòn bằng bất cứ giá nào.

KHÔNG ĐỂ LẠI TIẾNG NHỚ

Xuân Lộc là quận châu thành của tỉnh Long Khánh, cách xa Sài Gòn khoảng 80 cây số về phía Đông, và được thành lập sau Hiệp định Genève 1954 để làm nơi định cư của đồng bào miền Bắc di cư vào Nam.

Nằm dọc theo Quốc lộ 1, quận trải dài từ Gia Rai dưới chân núi Chứa Chan đến ngã ba Dầu Giây là chỗ rẽ vào Quốc lộ 20 đi Đà Lạt, và là cửa ngõ và vị trí phòng thủ cuối cùng trước khi Cộng quân từ miền Trung tiến tới thủ đô. Ba mươi ngày sau cuộc tấn công Ban Mê Thuột, sáng mồng 9 Tháng Tư 1975, họ khởi sự tấn công Xuân Lộc bằng trận mưa pháo và đợt xe tăng xông vào trung tâm thị xã. Tuy nhiên, Sư đoàn XX Bộ binh và các chiến đoàn yểm trợ của quân lực VNCH đã chuẩn bị sẵn sàng. Họ anh dũng cầm cự, đẩy lui các đợt công kích dữ dội, và gây tổn thất nặng nề cho địch quân.

Mặt trận Long Khánh đứng vững nhóm lên trong lòng mọi người một niềm phấn khởi. Một tin nức lòng khác đến với tôi: Người bạn tôi tin cậy và mến phục nhất thời học trường kỹ sư là thằng Lộc đã thoát khỏi Đà Lạt an toàn và đang ở đỡ nhà một người bà con bên vợ trên Thủ Đức. Trâm Anh vợ nó người Tuy Hòa, học Sư phạm Đại học Đà Lạt, và dạy trường nữ trung học Bùi Thị Xuân. Bác Hảo ba thằng Lộc là bạn thân của cha thuở còn để chòm ngoài Quảng Bình và học cùng khóa sĩ quan Võ bị Liên quân Đà Lạt với cha khi xưa, nhưng bác còn tại ngũ. Gia đình thằng Lộc ở cạnh nhà chú Tôn bà con của tôi, hai bên là hàng xóm láng giềng từ hồi thằng Lộc còn nhỏ.

Sáng Chủ Nhật giữa tháng Tư, tôi chạy xe lên Thủ Đức gặp bạn. Chỉ mới không gặp nó hai tháng mà tôi cảm thấy như đã lâu lắm. Tôi bắt tay nó và phát ngôn thật vô duyên,

-“Ồ, mà còn sống về tới Sài Gòn...”

-“Về tới Sài Gòn, đúng! Nhưng còn sống, chưa chắc!” thằng Lộc chua chát trả lời và chậm rãi thuật lại tình thế Đà Lạt trước khi nó trải qua cuộc hành trình gian nguy.

Sau khi Ban Mê Thuột thất thủ và quân VNCH ở các tỉnh địa đầu bỏ chạy tán loạn, thành phố hiền hòa thơ mộng lên cơn sốt lo sợ; mức sốt hoảng vọt tăng lên cao khi Quốc lộ 20, phần lớn của con đường 300 cây số về Sài Gòn, bị cắt đứt ở Định Quán.

Vào khoảng hai giờ chiều ngày 20 Tháng Ba, giáo chức và học sinh trung tâm Giáo dục Hùng Vương (trước là *lycée Yersin*) nhốn nháo và xao động khi một viên chức cao cấp nhất thành phố gửi quân nhân tới đón con về nhà một cách gấp rút. Mọi người tin chắc giới chức quân sự và hành chánh cao cấp đã gửi gia đình đi trước. Dân chúng đua nhau thu dọn nhà cửa để chạy bằng mọi phương tiện. Xe hàng, xe be (xe dùng chở gỗ súc nguyên thân cây dài còn vỏ từ rừng về), xe du lịch, xe *lam* ba bánh, và xe gắn máy. Tại trụ sở Hàng không Việt nam ở nhà ga

xe lửa và phi trường Liên Khương, người người ra vào tấp nập và chen nhau mua vé máy bay nhưng vé đã hết sạch từ lúc nào.

Chiều tối ngày mùng 1 Tháng Tư, các cơ sở hành chánh tỉnh, tiểu khu Tuyên Đức, và hai quân trường Võ bị Quốc gia và Chiến tranh Chính trị di tản theo Quốc lộ 11 qua Đơn Dương rồi xuống Phan Rang. Bảy giờ tối, lửa đỏ bốc cao ở Ty Dân vận Chiêu hồi trên đường Nguyễn Trường Tộ, phía sau Tòa Hành chánh tỉnh, và Ty Cảnh sát Quốc gia. Suốt đêm, gia đình thằng Lộc lo sợ không ngủ vì tiếng nổ vang rền liên hồi từ kho đạn ở Cam Ly và trường Võ bị Quốc gia. Giờ lâm chung của thành phố đã điểm.

Nỗi phân vân – đi hay ở – nung nấu trong lòng bạn tôi. Nó là con lớn trong gia đình tám anh em, đứa nhỏ nhất lên bốn. Bác Hào được gửi đi phòng ngự mặt trận Tuy Hòa, đơn vị bác mất tích mấy tuần trước, và gia đình Trâm Anh cũng kẹt ở đó. Bác gái nhất định không rời nhà khi chưa có tin của bác trai và sợ rằng bốn đứa nhỏ còn ở nhà, nếu ra đi sẽ không chịu nổi hiểm nguy bất trắc dọc đường.

Cô em kế thằng Lộc là Thanh Xuân lấy chồng sĩ quan Hải quân đóng ở Nha Trang thì không có tin tức. Cô em kế nữa là Thanh Tâm lấy chồng kỹ sư phục vụ ở nhà máy thủy điện Đa Nhim ở Đơn Dương, nơi thằng Biên em thứ ba làm cán sự kỹ thuật. Không biết Thanh Tâm và thằng Biên sẽ di tản xuống Phan Rang cùng với những nhân viên khác của nhà máy hay trở về Đà Lạt với gia đình. Thằng Lộc bàn lui tính tới với mẹ và vợ một đêm rồi quyết định. Sáng mùng 2, thành phố trở thành vô chủ.

Bằng một giọng đều đều, thằng Lộc kể lại,

-“Nhờ sự can thiệp và dàn xếp của một thằng bạn, vợ chồng tao ôm hai thằng con trai, đứa lớn nhất lên ba, leo lên chuyến xe cuối cùng rời thị xã. Hành trang vồn vẹn có chiếc va-li nhỏ đựng áo quần và vật dụng cần dùng cho hai thằng nhóc. Sau hơn một ngày trời ngồi co ro trên chiếc xe be đầy người lắc lư dằn xóc trên đường đèo sợ điếng hồn...

Tụi tao tới Phan Rang, tạm trú trong nhà khách của ty điện lực, và chen chúc gần như muốn đánh nhau để mua vé xe đò đi Phan Thiết rồi đi Bình Tuy. Từ đó, giành giật như ăn cướp để mua chỗ với giá cắt cổ trên chiếc thuyền nhỏ đi dọc theo bờ biển về Long Hải. Chặng cuối cùng là chuyến xe đò chật cứng như nêm về Sài Gòn. Hơn mười ngày lang bạt đói khát tuyệt vọng và dở sống dở chết!”

-“Mày vào Điện lực Việt nam trình diện chưa?” tôi hỏi cho có hỏi.

-“Ngày nào tao cũng vào làm việc ở trụ sở trung ương, vào cho có vị chứ việc vắn có gì mà làm? Chỉ khổ là phải nghe thằng Ấn ba hoa *một tấc lên tới trời*, suốt ngày khoe đã có *tuy-dô* (tuyeau) đi Mỹ.”

Thằng Ấn học cùng lớp với tôi ở Quốc Học Huế, thi đậu vào Cao đẳng Điện học cùng lúc với tôi, và ra trường làm việc ở Đa Nhim. Anh Bắc nó là giáo sư giảng nghiệm trưởng trông coi phần học vụ của Đại học Khoa học Đà Lạt; nếu bình thường thì khoảng thời gian này – tháng Tư – tôi lên đó dạy một tuần lễ và sẽ được anh tiếp đón và lo ăn ở. Tôi hỏi thăm,

-“Thằng Ấn có tin tức anh nó không?”

-“Viện Đại học Đà Lạt đã di tản về đây, và nhân viên giảng huấn như anh Bắc đến làm việc tại văn phòng Cao học Chánh trị Kinh doanh trên lầu hai thương xá Tax. Viện được Cơ quan Văn hóa Á châu cấp cho một ngân khoản lớn và yêu cầu sinh viên đến ghi tên tại văn phòng để

được giúp đỡ.” Cơ quan Văn hóa Á châu là một cơ quan phát triển quốc tế bất vụ lợi với ngân sách do chính phủ Hoa kỳ đài thọ.

“Tao đã lên Đà Lạt dạy và thấy các cha đối đãi với giáo sư và sinh viên như người thân trong một gia đình, thật đáng quý! À, mà mày có biết gia đình chú Tôn ra sao không?”

Thằng Lộc buồn bã chép miệng,

“Ngày mồng một, thằng Tài con trai lớn của ông bà Tôn tung tăng ra ngoài chợ Hòa Bình, huênh hoang rằng nay ta tự do, không còn sợ bị bắt vì trốn quân dịch. Chắc hẳn ông bà sẽ vui mừng đón họ về.”

-“Mỗi người một hoàn cảnh, một lựa chọn, rồi *phóng lao phải theo lao* thôi. Có khác gì thằng bạn mày, được xã hội ưu đãi cho ăn sung mặc sướng và ăn học thành tài rồi dùng một cái sợ chết *nháy nủi*, giờ có con đường nào khác hơn là theo liếm gót thằng Việt Cộng?”

-“Mày muốn nói thằng Liễn?” thằng Lộc biết ngay là ai.

-“Còn ai trồng khoai đất này?”

Thằng Liễn là bạn trung học Trần Hưng Đạo của thằng Lộc, tôi gặp nó trong những lần theo thằng Lộc lên Đà Lạt chơi. Thằng Liễn thân hình bé nhỏ, ăn mặc diêm dúa – áo quần lúc nào cũng đúng *mốt* (mode), và nói nhiều nhưng lại có duyên. Nó học triết ở Đại học Đà Lạt, gia đình làm chủ một khách sạn khá lớn ở đầu dốc đường Hai Bà Trưng lên phố. Tôi đến nhà nó một hai lần và gặp chồng của mẹ nó; hình như cha ruột nó là cán bộ Việt Minh đi tập kết từ lúc nó chưa ra đời.

Thằng Liễn tốt nghiệp Cử nhân Giáo khoa Triết học chỉ trong ba năm và xuống ghi danh học cao học ở Đại học Văn khoa Sài Gòn. Tôi theo thằng Lộc đến thăm nó ở căn phòng trong chung cư Nguyễn Huệ, một nơi sang trọng ngay trung tâm thành phố, và nghe nó thao thao bàn luận về tình hình chính trị và một nhóm chính trị gia thiên Cộng tự nhận là “thành phần thứ ba.”

Sau hai năm, nó soạn không xong tiểu luận cao học và bỏ dở, kỳ hạn hoãn dịch về lý do học vấn gần chấm dứt, và nhờ gia đình vận động, nó về làm phụ khảo tại Đại học Văn khoa Đà Lạt để được hưởng đặc quyền quân dịch dành cho giáo chức đại học. Một năm sau, nó trình diện thụ huấn quân sự ở trường Bộ binh Thủ Đức, nhưng khi ra trường thay vì ra đơn vị chờ viện đại học can thiệp với Bộ Quốc phòng cho biệt phái trở về dạy lại, nó đào ngũ nhảy *vô bưng* theo Việt Cộng.

Thằng Lộc ngần ngừ một phút trước khi tiếp tục,

-“Đêm mồng một, thằng Liễn trở về thành phố và ghé lại nhà tao. Nhờ cú viếng thăm đó mà tao dứt khoát phải thoát thân với bất cứ giá nào.”

“Nó khuyên mày ra đi?”

-“Không, tụi tao chỉ nói chuyện bạn bè thăm hỏi thường tình. Nhưng tao biết từ ngày nó *vô bưng*, ngoại trừ trong thời gian đầu được tung hô là ‘phần tử giác ngộ’ và ‘thành phần yêu nước’ chống đối ‘Mỹ Ngụy’ và dùng làm vật liệu tuyên truyền, nó không được giao phó công việc gì. Họ nói khéo là những người học triết như nó đã bị nhiễm độc về tư tưởng và cần học hỏi triết học *Mác-Lênin* cho thuần nhuẫn mới có thể giao công tác.”

-“Lẽ đương nhiên! Bọn Cộng sản vốn tối kỵ thành phần ‘trí thức tiểu tư sản,’ phương chi nó lại là cựu sĩ quan ‘Ngụy’ và thích nói và ưa tranh luận, cho kẹo tụi nó cũng không dám rở tới.”

-“Thấy hoàn cảnh của nó, tao thấy rõ con đường phải đi. Đối với Quốc gia, nó là kẻ hèn nhát và phản bội; đối với Cộng sản, nó là người không công trạng, không đáng tin, không thể dùng, và cần đề phòng. Nếu ở lại, tao sẽ phải hợp tác với ‘phe bên kia’ và đương nhiên bị cả hai bên liệt vào loại người như nó. *Ngàn năm bia miệng*, có chết tao cũng không muốn con cháu sau này nghĩ rằng cha ông nó là người... không khá như vậy.”

-“Vậy nó là thằng bạn đã can thiệp và dàn xếp cho mày lên chuyến xe cuối cùng?” tôi hiểu ra.

Vị tư lệnh chiến trường Long Khánh là Tướng Đám hàng xóm sát vách của gia đình tôi trong cư xá Bắc Hải. Bà Đám trạc dưới bốn mươi, xinh đẹp và vui tính; mỗi khi gặp mặt tôi, bà niềm nở hỏi chuyện thân tình như chị với em. Ông bà người Nam có chín người con, hai trai và bảy gái; cô con gái lớn mười bảy tuổi vừa mới lấy chồng cuối năm ngoái.

Mẹ và bà Đám hàng ngày trò chuyện tâm giao. Mẹ kể lại, khi thấy tình thế vô phương cứu vãn, bà đề cập chuyện đi ra ngoại quốc thì ông gạt ngang, “Nếu có chết thì gia đình mình cùng chết ở đây, không đi đâu hết.” Ông giải bày,

-“Mình ơi, đây là quyết định rất đau lòng, nhưng anh đã ra lệnh cho anh em binh sĩ quyết đánh, gia đình họ ở lại, lẽ nào anh lo cho vợ con anh ra đi? Nếu anh cho mình và con đi trước, lính anh biết giờ chót anh có thể lên máy bay ra đi, làm sao họ còn tin tưởng để đánh giặc? Như vậy anh có công bằng với họ không? Anh không muốn con mình sau này nhìn anh mà nghĩ ông già nó ngày xưa đã từng gạt lính. Mình hiểu cho anh.”

Thằng Lộc và Tướng Đám, một người liều mạng ra đi, một người chọn ở lại, cả hai đều tâm niệm *cọp chết để da người ta chết để tiếng*, không để lại tiếng nơ cho mai sau mai mĩa. Tôi thường tự hỏi không biết thằng Liễn bạn của bạn tôi là loại người nào. Một triết gia ngờ nghệch ôm ảo vọng đi tìm chính thể lý tưởng, hay một kẻ khiếm nhược trở cờ với xã hội đã cướp mang mình? Bốn mươi lăm năm sau, tôi chưa tìm thấy giải đáp.

CHUỘT CHỮI NGỬ VUI ĐẤT LẠ

Tối thứ Hai 21 tháng Tư, gia đình tôi xúm xít trước chiếc *ti-vi* đen trắng trong căn phòng trên lầu nhìn ra bao lơn, dán mắt vào màn ảnh, và xem trực tiếp truyền hình bác Thiện đọc diễn văn tại Dinh Độc Lập. Trong gần hai tiếng đồng hồ, với lời lẽ bình dân không chải chuốt, bác kể ra những khó khăn của VNCH khi Hoa kỳ dừng dừng trước việc Cộng sản xé nát Hiệp định Paris, cắt giảm quân viện tối đa, và để mặc VNCH chiến đấu vô vọng. Cuối bài diễn văn, bác nghẹn ngào,

Trước quý vị lưỡng viện Quốc hội, trước Tối cao Pháp viện, trước chính phủ, trước đồng bào, trước anh chị em chiến sĩ cán bộ toàn quốc, tôi tuyên bố từ chức Tổng thống. Và theo điều 55 của Hiến pháp, Phó Tổng thống Xxxx Hoan sẽ đảm nhận chức vụ Tổng thống... Xin quý vị chấp nhận lời yêu cầu của tôi để cho Phó Tổng thống Hoan chút nữa sẽ làm lễ tuyên thệ nhậm chức ngay tại cái văn phòng này.

Cha giậm chân lên sàn nhà vừa khóc vừa la lớn,

-“Giữ thẳng Thiện lại, đừng để *hấn* xuống. Chao ôi, miền Nam này mất rồi, còn *chi* nữa mà mong!”

Tôi nghe kể cha tốt nghiệp trường Võ bị Liên quân Đà Lạt vài ngày sau khi thẳng Sang em kể tôi ra đời, một thời gian sau được thăng chức và đổi về làm tiểu đoàn phó cho bác Thiện, và đem lòng kính phục vị chỉ huy cùng trang lứa. Sau hiệp định Genève 1954, đơn vị của bác và cha có nhiệm vụ tiếp thu tỉnh Phú Yên mà tỉnh lỵ bấy giờ là Sông Cầu. Trước đó Phú Yên thuộc Liên khu 5 của Việt Minh, liên khu này gồm bốn tỉnh Nam-Ngãi-Bình-Phú (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, và Phú Yên).

Hai chàng sĩ quan trẻ tuổi của Quân đội Quốc gia Việt Nam đã châu đầu thảo luận và bàn bạc kế sách bảo vệ tỉnh nhà; do đó giữa thập niên 1960, bác giao cho cha chức vụ cầm đầu tỉnh Phú Yên mà tỉnh lỵ nay là Tuy Hòa. Trong hơn năm năm giữ chức, cha khai thông và giữ vững đèo Cả ở biên giới Phú Yên và Khánh Hòa, củng cố hạm đội của miền Duyên hải, và giúp duy trì an ninh và phát triển kinh tế miền này. Bác Thiện thỉnh thoảng bay ra Tuy Hòa kinh lý và thăm viếng các tiền đồn xa; buổi tiệc khoản đãi bác phải có tôm hùm Sông Cầu, nhưng bác chỉ ăn đầu tôm hùm và chừa lại phần đuôi.

Hôm sau, tôi chạy xe loanh quanh thấy nhiều người đổ xô về những đường phố có cơ quan dân sự Hoa Kỳ. Đông đảo nhưng không ồn ào, họ đến các cơ quan đó với vẻ mặt bỡ ngỡ như người mất hồn, mang theo rất ít hành lý, nói chuyện thì thào, và hay nhón nhác nhìn quanh. Già trẻ lớn bé xuống xe gần cổng, đợi nhau và tụ thành từng nhóm, và cùng đi vào rất vội vã. Thỉnh thoảng một chiếc xe buýt chở đầy người lăn bánh ra khỏi cổng và chạy vụt về hướng phi trường Tân Sơn Nhất. Hành khách trên xe không ai khác hơn những nhân viên sở Mỹ và thân nhân họ hàng vừa vào trong: Họ được chính phủ Hoa kỳ di tản.

Sáng thứ Tư, tôi và Quỳnh Châu về nhà ba má nàng để gặp và chia tay với chị Quỳnh Dung và em Bằng. Anh Như chồng chị Quỳnh Dung có cô em họ là nhân viên ngân hàng First National City Bank của Hoa Kỳ và điều đình nhờ vả sao đó để cô em họ gộp thêm Bằng và gia đình nội ngoại của anh vào danh sách thân nhân được *bốc* đi. Tôi thắc mắc với Quỳnh Châu,

-“Sao ba má không nhân dịp này đi với gia đình chị Dung?”

-“Ba má nói còn chút xíu hy vọng phần còn lại của miền Nam sẽ thành quốc gia trung lập. Trì lại ngày nào hay ngày nấy; tài sản và nhà cửa xây đắp mấy chục năm, một sớm một chiều bỏ đi không đành lòng.”

-“Người đi được thì không đi, trong khi mình không có cách nào thoát khỏi cuộc *tắm máu* (blood bath) cuối cùng,” tôi than thở.

Như để trả lời tôi, Quỳnh Châu mở ví lấy ra cuốn sách nhỏ bằng tiếng Anh nhan đề *Chỉ nam Căn bản cho Nhân viên Dân sự trong Trường hợp Khẩn cấp* do Tòa Đại sứ Hoa kỳ phân phát cho người Mỹ để giúp họ chuẩn bị di tản. Cuốn chỉ nam có bản đồ chỉ rõ các địa điểm tập hợp để phi cơ trực thăng đón, và kẹp thêm vào tờ thông tri ghi,

Khi lệnh di tản ban hành, đài Phát thanh Quân đội Hoa kỳ sẽ phát mật hiệu: “Hôm nay Sài Gòn nóng 105 độ [Fahrenheit], và nhiệt độ càng lúc càng lên cao.” Sau đó, đài phát thanh sẽ liên tục đánh bài “I’m Dreaming of a White Christmas” (Tôi mơ Giáng sinh tuyết trắng).

Quỳnh Châu giải thích,

-“Thực ra, đó là câu đầu tiên trong bài hát ‘White Christmas’ (Giáng sinh tuyết trắng) của Bing Crosby, ca sĩ và tài tử điện ảnh nổi tiếng hàng đầu bên Mỹ. Trong mấy năm ở bên đó, mùa Giáng sinh nào em cũng nghe hát cả trăm lần,

I’m dreaming of a white Christmas

Just like the ones I used to know

Where the treetops glisten and children listen

To hear sleigh bells in the snow.”

Tôi mơ Giáng sinh tuyết trắng

Giống hệt những Giáng sinh ngày trước

Khi những ngọn cây lấp lánh và trẻ em lắng nghe

Để nghe tiếng chuông xe trượt tuyết [của ông già *Nô-en*] trong trời tuyết.

-“Báo tin thời tiết mùa hè nóng trên 40 độ (Celsius) mà lại đánh bài ‘Giáng sinh tuyết trắng,’ thật ngược đời,” tôi lắc đầu cười khan.

-“Hay là chồng coi tìm bãi đáp trực thăng gần nhà mình nhất, và cô vợ dễ thương sẽ nghe *ra-đi-ô* đón chờ hiệu lệnh – biết đâu là sẽ con đường sống khi cùng kể?” nàng biết tôi sẽ không phản đối.

Sáng thứ Năm tôi chạy xe đi từ nhà theo đường Lý Thái Tổ định sang Đại học Khoa học Sài Gòn gặp thầy Phong. Tôi gần đến bùng binh Ngã Bảy Sài Gòn, bỗng nhiên một chiếc xe gắn máy khác chạy kèm bên cạnh, và người kia la lớn bằng giọng “Nẫu” Phú Yên,

-“Anh Ba nhớ tôi không?”

-“Không, anh là sinh viên học với tôi ở trường nào?” tôi vờ không nhận ra.

-“Anh Ba ghé lại chỗ nào ngồi nói chuyện đi.”

Tôi nhìn quanh thật nhanh; trước sau và hai bên đều có xe gắn máy vây tôi vào giữa. Tôi nói lớn, “Vào tiệm chè Hiên Khánh ở đầu đường Phan Đình Phùng cũng được.” Người giọng “Nẫu” vào tiệm với tôi, ba người kia đứng ngoài đường hút thuốc lá. Anh ta trông nhỏ tuổi hơn tôi, dáng người nhỏ thó mà chắc chắn, mặt mày đen đúa, và cặp mắt láo liên; anh ta tự giới thiệu,

-“Hồi đó tôi là thiếu úy Khải làm việc ở tiểu khu Phú Yên dưới quyền *ông ba* anh.”

-“À anh Khải, hèn chi tôi thấy ngờ ngợ,” tôi đã nhận ra anh ta lúc nãy; Khải người Đồng Xuân miền núi của Phú Yên là Việt Cộng nằm vùng, tình nguyện đi học sĩ quan Thủ Đức, về Tuy Hòa phục vụ trong ban 2 (Tinh báo) của tiểu khu, và sau Tết Mậu Thân (1968) *nhảy núi* luôn.

-“Bây giờ không phải lúc để nói chuyện xưa. *Nẫu* sai tôi tới đề nghị với anh một chuyện rất quan trọng.”

“Nẫu” là đại danh từ dùng rộng rãi của vùng Phú Yên – Bình Định để chỉ người ấy, bọn họ, hay người ta. Khải đăng hăng rồi vào đề,

-“Chúng tôi điều tra biết rõ anh muốn ra khỏi Sài Gòn nên muốn giúp anh.”

-“Vậy sao?” tôi nhột dạ nghi ngại.

-“Để ợt *hà*. Anh cứ sinh hoạt như thường cho đến giờ cuối cùng trước khi ‘quân đội nhân dân’ vào ‘tiếp quản’ – không lâu nữa đâu. Chúng tôi hứa lúc đó sẽ cung cấp phương tiện cho anh và gia đình lên máy bay hoặc tàu biển đi ra nước ngoài sinh sống,” Khải cười để lộ hàm răng ám khói vàng khè.

Khải lấy trong túi ra một tấm hình màu bằng nửa bàn tay đưa cho tôi. Tôi nhận ra thiếu nữ xinh xắn tóc dài, mặt trái xoan, và hàm răng hột bắp trong hình, nhưng làm bộ không biết,

-“Cô này là ai, và tại sao?”

-“Để đền đáp lại công ơn to tát của ‘cách mạng,’ anh phải đưa *cổ* theo qua bên Mỹ và nhận *cổ* là vợ anh Sang, tức là em dâu anh. Đương nhiên *cổ* vĩnh viễn là người thân trong gia đình.”

-“Cô này đẹp thực, nhưng em tôi là đứa cứng đầu đời nào chịu bị ép uống ngang xương như vậy?” tôi thoái thác.

-“*Cổ* tên là Thanh Thái trước học cùng lớp với anh Sang ở Tuy Hòa, và hai bên phải lòng nhau. Chuyện giữa hai người anh khỏi lo, *nẫu* sẽ dàn xếp và lo liệu. Cái gì *nẫu* cũng biết, cũng làm được, sá chi chuyện nhỏ tí teo đó. Nhưng khoan nói cho anh Sang hay ai khác biết *nghen*.”

Bọn Việt Cộng âm mưu lợi dụng tôi để gài đặc công ẩn tàng ở ngoại quốc và biến gia đình tôi thành đồng lõa với bọn chúng. Với giọng trịch thượng phách lối của một kẻ thắng trận, Khải chỉ tay vào tấm hình,

-“Thanh Thái có lai lịch rất lớn, anh biết *cổ* *ngó* giống ai không? Ngày xưa thằng cha Thiện đánh thuê cho Tây ở Sông Cầu, tư tình bậy bạ sinh ra *cổ* rồi sau đó bị *điều* ra Bắc, và *chuồn mất đất* không *dzia*. Con gái *nẫu* đó!”

-“Tôi chưa hề nghe chuyện này,” tôi hoài nghi.

-“Mỗi lần ra Tuy Hòa, *nẫu* nói đi kinh lý mà thật ra bí mật đi thăm con gái, cho quà cáp và tiền bạc *tùm lum*. Hồi đó anh không chịu lấy con gái *nẫu* làm *ông cha* anh hụt làm sui gia, nay anh Sang làm rể *nẫu*, hai nhà đều *dzui*. *Dãy ngheng* (thế nhé), anh chuẩn bị sẵn sàng cho tôi,” anh ta đứng dậy, tin tưởng miếnng mời đi ngoại quốc ngon lành sẽ khiến tôi mờ mắt lẫn xả vào chiếc bẫy không nguy trang.

Sau bữa cơm tối, tôi rủ Quỳnh Châu đi hóng mát quanh cư xá và kể nàng nghe cuộc gặp gỡ hồi sáng; nàng lo lắng,

-“Nghe kể mà em bắt rờn ốc; họ sẽ ác ôn dùng cha làm phương tiện gần gũi và hãm hại ông Thiện. Chồng nghĩ Thanh Thái thực là con *ổng*?”

-“Mùa hè năm 1967, về nhà nghỉ anh đã nghe lời đồn bác Thiện có nửa tá con rơi ngoài Sông Cầu và cha thì con rớt đùm đề ở Tuy Hòa. Toàn tin *ba láp* do Việt Cộng phao lên để bôi nhọ y tín giới lãnh đạo bên mình. Không thể có chuyện bác Thiện bí mật thăm con gái, một trăm phần trăm cô ấy là con người khác.”

-“Sao chồng *rành sáu câu quá dzậy*, bộ có *tù ti tút tít bồ bịch* với cổ hả?” Quỳnh Châu chun mũi hỏi đùa.

Tôi làm bộ bẹo mũi Quỳnh Châu,

-“Thằng Sang đưa anh đến nhà Thanh Thái chơi để khoe ta đây có số đào hoa. Nó *lậm* cô nàng mà còn *nhát hít*; nàng không *chịu đèn* nên cứ một hai đôi làm chị để *chọc quê* thằng nhỏ. So tuổi nàng sinh năm 1949, thằng Sang 1951, nghĩa là trước hai năm. Anh nháy vô *cứu bồ* nói *nhất gái hơn hai, nhì trai hơn một*, hai người rất tốt đôi. Nàng cũ không phải *đấy* (như vậy). Nàng sinh đầu năm 1949, trước Tết ta nên thành tuổi Mậu Tý, tính ra trước tuổi Tân Mão của thằng Sang đến ba con giáp: Tý, Sửu, Dần, rồi mới tới Mão, hơn tới ba tuổi *lặn*.”

-“Vậy là cổ cùng tuổi Tý với chồng. Nhưng Tý hay Sửu thì liên quan gì tới *ông*?”

-“Sao lại không? Bác Thiện học trường Võ bị Quốc gia khóa 1 Phan Bội Châu ở Đập Đá ngoài Huế đến cuối Tháng Chín năm 1949 mới tốt nghiệp. Dù ông thiếu úy mới toanh được bổ nhiệm vào Sông Cầu và *xáp lá cà* với bà mẹ ngày đầu tiên, ông cũng không thể là cha của cô bé sinh ra chín tháng trước. Phương chi mãi đến năm 1954, năm năm sau, bác mới đến Sông Cầu.”

Chiều 28 Tháng Tư, vợ chồng tôi, thằng Sang, và ba em nhỏ rời nhà đến chỗ hẹn ra tàu Hải quân đi di tản và cuối cùng tới Hoa Kỳ. Sau khi chúng tôi định cư ở tiểu bang North Dakota khoảng sáu tháng, thằng Sang được tin Thanh Thái và gia đình chồng ra khỏi Việt Nam bằng thương thuyền Việt Nam Thương Tín, tàu rời bến ngay sau khi Tổng thống Yyyy Man tuyên bố hàng giặc vô điều kiện sáng ngày 30. Vợ chồng nàng định cư ở ngoại ô thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Thằng Sang bắn khoăn không biết cô bạn cũ lấy chồng lúc nào, chồng nàng là ai, và tại sao nàng đi một mình, để lại bà mẹ và năm đứa em ở Tuy Hòa.

Tôi không mắc bẫy, nhưng Sài Gòn thiếu gì kẻ dễ bị dụ hoặc nên việc cấy Thanh Thái làm đặc công về lâu về dài trên đất Mỹ không thể gặp trở ngại. Giới tình báo Anh Mỹ gọi điệp viên như nàng – thâm nhập vào quốc gia khác và *ngủ vùi* không hoạt động cho đến nhiều năm sau cần tới mới gọi – là “mole” (con *chuột chũi*). Danh từ này do tiểu thuyết gia John Le Carré người Anh đưa ra đầu tiên năm 1974 trong cuốn truyện trinh thám *Tinker, Tailor, Soldier, Spy*. Tôi tin Thanh Thái chịu sai khiến để bảo toàn tính mạng cho mẹ và em nàng. Việt Cộng mà, chuyện gian ác nào mà bọn chúng chữa ra?

DẤU CHẾT CŨNG RA ĐI

Sau một đêm trằn trọc không ngủ, tôi uể oải nằm lười lỉnh trên giường, rã rời lo lắng về tình thế ngặt nghèo bất định, và cố gắng gạt bỏ ý nghĩ mỗi giờ khắc của ngày thứ Hai đầu tuần này có thể là một bước xích tới gần cái chế độ hà khắc trong đó tự do và hạnh phúc cá nhân không hiện hữu. Quỳnh Châu bước vào phòng, ngồi ở cạnh giường, đưa tay sờ trán tôi, và cười cười,

-“Dậy mau chồng ơi, đừng *nằm nướng* nữa. Anh không nhớ câu tục ngữ Pháp *L'appétit vient en mangeant* (Cứ ăn rồi sẽ thấy ngon) hay sao? Cứ sống rồi sẽ thấy yêu đời. Phương chi, có ông bạn nào đó của anh đang đợi dưới nhà.”

-“Sao em không nói ngay mà cà kê dê ngỗng để người ta chờ? Cô vợ anh thiệt là...” tôi nhồm dậy thay quần áo.

-“Thiệt là làm sao, anh nói em nghe coi?” nàng làm bộ cong môi hỏi vặn.

-“Thiệt là dễ thương. Biết rồi mà còn hỏi hoài!”

Tôi nhìn đồng hồ, mới bảy giờ sáng. Hôm nay là ngày 28 Tháng Tư. Đúng như tôi nghĩ, người đàn ông trạc trung tuần mặc thường phục khá chỉnh tề là do Bác sĩ Trang bạn tôi phái đến. Ông ta kiên nhẫn đứng chờ, lễ phép bắt tay tôi, tự giới thiệu bằng cách đọc mật khẩu thẳng Trang đã dặn tôi, và nói bằng một giọng đều đều,

-“Vào giờ phút này địch quân đã đến gần Thủ Đức. Bác sĩ khuyên giáo sư cần thi hành kế hoạch *hát cu* (HQ) càng sớm càng tốt. Đừng đợi qua sáng mai vì lúc đó sẽ quá trễ.”

Tim tôi chột đập mạnh, đầu óc rối bời, và định thần một hồi tôi nhớ ra em Bình đi học từ sáng sớm. Em là giáo sinh ban Anh văn trường Đại học Giáo dục (thuộc viện Đại học Bách khoa Thủ Đức) ở Thủ Đức. Hàng ngày Trọng (em út, mười lăm tuổi) dậy sớm lấy xe Honda PC đưa Bình ra trước rạp hát Long Vân gần bùng binh Ngã Bảy Sài Gòn đón xe lô đến trường, sau đó chú bé toàn quyền sử dụng chiếc xe gắn máy đến chiều. Xe lô chạy dọc theo đường Phan Thanh Giản, ra xa lộ Sài Gòn-Biên Hòa, chạy thêm khoảng mười cây số tới Thủ Đức, và ngừng trước cổng trường. Bình xuống xe đi bằng qua sân là tới lớp học.

Bị đánh thức dậy, thằng Sang còn ngái ngủ vì hôm qua đi chơi về khuya. Tôi vạch đường đi và dặn nó,

-“Hai anh em mình mỗi thằng một chiếc xe gắn máy đi theo *đường trong* lên Thủ Đức đón con Bình về.”

-“Tại sao không chạy xa lộ cho mau và êm dít hơn?” nó càu nhàu.

-“Nếu Việt Cộng đánh tới Thủ Đức, xa lộ là trục giao thông chính nên có nguy cơ thành nơi giao tranh. Anh chạy trước chừng ba bốn chục thước, nếu bị bắn ngã thì mày *mặc kệ* anh, đừng nhào vô chết chùm.”

-“Nếu vậy, anh phải để *tui* là dân nhà binh dẫn đầu. Nếu có phục kích *tui* ra hiệu cho anh rút lui; nhà mình cần anh sống sót hơn *tui*,” em tôi bây giờ mới tỉnh ngủ hẳn.

“Ừ, thì mày chạy trước, anh theo sau. Ông nhà binh thay áo quần lẹ lên giùm,” tôi đồng ý vì không phải lúc để tranh luận.

-“*Mi* giao con Bình cho thằng Sang chở về rồi mời o dưỡng Hoàng về đây cho mẹ. Lỡ có *chuyện chi* bà con nương tựa nhau vẫn hơn,” mẹ nắm tay tôi dặn dò.

Nhà o dưỡng Hoàng nằm cạnh trường Bình học, Hoàng là tên của dưỡng, và o là em chú bác và là họ hàng gần nhất của cha. O dưỡng có hai người con đã trưởng thành: Huệ lớn hơn anh Quang hai tuổi, làm sở Mỹ, kết hôn với một quân nhân Mỹ, và đã theo chồng về nước; và Hiến lớn hơn tôi một tuổi, đã có gia đình, phục vụ trong quân đội, và kẹt lại ngoài Đà Nẵng. O dễ tính, xuề xoà, nói nhiều nhưng ít khi làm mất lòng ai, và nuông chiều cháu không ai bằng.

Trong sân trường đại học lèo tèo vài nhóm nhỏ đứng chụm đầu nói chuyện. Tôi vào văn phòng hỏi thăm thì gặp anh Sĩ Trưởng phòng Giáo vụ, chức vụ tương đương với tôi ở Ngành Điện của Đại học Kỹ thuật. Tôi quen anh đầu năm ngoái, khi anh lặn lội xuống Phú Thọ mời tôi dạy *cua* Giải tích Mạch Điện cho ban Điện tử của Đại học Giáo dục cho bằng được. Anh tưởng hôm nay tôi có giờ dạy,

-“Cám ơn toa cất công lên đây, nhưng hôm nay trường bắt đầu đóng cửa.”

-“Sao anh còn ở đây? Và còn sinh viên đứng bên ngoài?”

-“Đó là bọn sinh viên năm cuối sắp ra trường. Tụi nó khẩn khoản yêu cầu *moa* tìm cách cấp bằng tốt nghiệp để bốn năm đèn sách không bị dở dang và nếu ra nước ngoài có tấm bằng lận lưng chứng minh mình không dở ông dở thằng. Nhưng *moa* một thân một mình chẳng làm gì được, thật tội nghiệp!”

Sau khi chắc chắn Bình không còn ở trường, tôi và thằng Sang qua nhà o dưỡng Hoàng. Thấy chúng tôi bước vào, o vội vàng mở tủ lạnh lấy bia ra mời và nướng mực khô làm đồ nhắm. Tôi chuyển lời mẹ dặn, o đồng ý ngay,

-“Mẹ *mi* khi *mô* cũng đúng. Đợi dưỡng đi làm về; chắc cũng gần rồi. Hai đứa *bây* ngồi chơi uống bia trong khi o thu dọn ít áo quần đem theo.”

-“Dạ con phải về liền. Sang mày ở lại chờ, dưỡng về tới là lập tức *dzọt* về. Nhớ *nghen*,” tôi nói với o và thằng Sang.

Tôi thở phào nhẹ nhõm khi biết Bình có mặt ở nhà, vội vã ăn cơm trưa, và hối hả vào trường Phú Thọ. Nhờ anh Sĩ, tôi nhận ra mình còn nhiệm vụ phải hoàn tất trước khi lo toan việc riêng cho bản thân.

Rảo bước qua các văn phòng và phòng thí nghiệm, tôi không thấy bóng dáng nhân viên giảng huấn cấp giảng viên nào ngoài nhóm bạn gồm năm anh em giảng nghiệm viên tuổi xuýt xoát dưới ba mươi như tôi đang ngồi tán dóc sau khi đi ăn nhậu bữa tiệc... tan hàng. Ba chàng trong bọn là bạn đồng khóa kỹ sư với tôi: Đăng, Kim, và Thành. Thằng Thành mặt đỏ gay, nói cười ngả ngớn, và than buồn ngủ; chắc hẳn nó đã uống hết cả chai bia “33.”

Tôi gọi các bạn tập hợp ở phòng Giáo sư. Với tư cách Trưởng phòng Giáo sư vụ hiện tại có thẩm quyền cao nhất trường, tôi triệu tập và chủ tọa phiên họp bất thường của hội đồng giáo sư Ngành Điện và chỉ định Minh, Trưởng phòng Học vụ làm thư ký buổi họp; Minh là kỹ sư tốt nghiệp bên Pháp về.

Cả ba khoa kỹ thuật của trường đều hiện diện: ban Điện có tôi và thằng Kim; ban Điện tử có Hồng kỹ sư tốt nghiệp ở Mỹ về; và ban Viễn thông có thằng Thành. Đại diện giáo sư thỉnh giảng là thằng Đăng; nó dạy *cua* Giải tích Hệ thống Điện cho lớp đệ tứ niên ban Điện nhưng lại là nhân viên cơ hữu của Đại học Trung cấp (đào tạo cấp cán sự), trường này tách rời khỏi Đại học Kỹ thuật (đào tạo kỹ sư) từ vài năm nay. Buổi họp có túc số và hợp lệ.

Trong vòng một tiếng đồng hồ, hội đồng chấm đậu và cho lên lớp các lớp từ đệ nhất đến đệ tam niên, và chấm đậu và cấp bằng Kỹ sư cho các lớp đệ tứ niên kỹ sư điện, kỹ sư điện tử, và kỹ sư điện tử quân nhân. Hội đồng biểu quyết cho phép phòng Học vụ nhờ các tân kỹ sư lục học bạ, cộng điểm, và lập phiếu điểm và văn bằng tốt nghiệp cho chính họ. Những người này đứng chờ bên ngoài và sẵn sàng bắt tay vào việc. Trước khi tuyên bố bế mạc, tôi nửa đùa nửa thực yêu cầu Minh ghi trong biên bản,

-“Nhân tiện có đợt cộng điểm này, ông *Xxxx Ba Hoa* xin được cấp phiếu điểm của chính đương sự để tiện dụng, và hội đồng chấp thuận,” và xếp cặp đứng dậy, “Để cám ơn anh em, tôi *làm đầu tàu* đái một châu cà-phê quán Chị Tám.”

Đó là cái quán giải khát sơ sài nằm cạnh cổng trường do vợ anh Tám cai trường đứng bán. Tôi ghé văn phòng cất giấy tờ, tờ giấy nhắn của thằng Thống trên bàn giấy đập vào mắt tôi,

Lại ngay nhà tao; ngày N đã đến. Th.

Bạn tôi đưa tin thật không thể nào đúng lúc hơn. Không chậm trễ một giây, tôi nhảy lên xe và trên đường ra cổng, ghé qua quán Chị Tám và chỉ thấy một mình thằng Đăng ở đó. Tôi bắt tay bạn, xin lỗi có việc phải đi gấp, và hẹn gặp lại. (Chúng tôi gặp lại nhau ở Texas khi nó sang Hoa Kỳ du lịch và thăm con năm 2013, ba mươi tám năm sau.) Tôi chạy xe như bay đến nhà thằng Thống; nó bồn chồn chờ tôi,

-“Anh Khôi thiếu tá Hải quân bạn anh Nghiêm mới báo Hải quân đã cho phép gia đình lên tàu di tản, tối nay hay trễ lắm là sáng sớm ngày mai. Vợ chồng con cái anh Nghiêm và hai đứa em tao vào nhà anh Khôi tá túc, chờ lúc ra đi. Hồi nãy không gặp mày ở trường, tao để giấy lại rồi chạy tới nhà mày. Gặp ông cụ mày, tao nói rõ mọi chuyện – chuyến đi không có một mảy may nào chắc chắn, mày và ông cụ suy xét và quyết định lấy.”

-“Cho tao địa chỉ nhà anh Khôi,” tôi thềm cảm ơn thằng Thống, nhờ nó tôi khỏi trình bày đầu đuôi tự sự với cha.

-“Số YYY trong trại Sĩ quan Hải quân Cửu long bên Thị Nghè. Giờ tao đi đón Diễm Sương rồi gặp mày ở đó trễ nhất là sáu giờ rưỡi.” Diễm Sương là ý trung nhân và bạn đồng sự ở Ngành Hóa học của thằng Thống.

Ước gì tôi không phải đối diện với cha, điều tôi e ngại nhất. Cha gay gắt chất vấn,

-“*Mi* nói *tau* nghe, ra đi hay ở lại bên nào an toàn hơn? Thằng Hải quân quen với thằng Thống có đáng tin cậy để *tau* giao tính mạng hay không? Ra khỏi Sài Gòn bằng tàu Hải quân có an toàn không? Nếu đi được thì đi *mô* và làm *răng* sinh sống?”

Thấy tôi cứng họng, cha đắc thắng gằn giọng, “Đài phát thanh và truyền hình suốt ngày cảnh cáo rằng công chức và quân nhân mà đào nhiệm, xuất cảnh bất hợp pháp, hay lạm dụng tài sản quốc gia là những kẻ phạm tội ác nghiêm trọng. *Mi* làm bậy không chết bỏ xác cũng ở tù rục xương!”

Tôi đứng im nghe cha đay nghiến. Biết là không thể lay chuyển cha, và mẹ không bao giờ rời cha, tôi gọi Bình, Lâm (em áp út, mười bảy tuổi), và Trọng đến trước mặt cha mẹ và hỏi ý kiến từng em – đi hay ở? Cả ba đồng lòng theo vợ chồng tôi và có năm phút để lấy túi xách mang theo. Chúng tôi khóc sùi sụt quỳ lạy cha mẹ mỗi người bốn lạy để tạ ơn sinh thành và tử biệt. Lòng tôi chết lịm. Tôi dắt em bỏ mẹ ra đi và đòng đưa trên ranh giới của sự sống và cõi chết.

Trong tiếng khóc thất thanh của mẹ, năm đứa rời khỏi nhà dưới bầu trời u ám sấm sét vang rền và ghé qua nhà ba má Quỳnh Châu trên đường Hồng Thập Tự nằm giữa đường tới trại Cửu long. Tôi và nàng vào nhà bằng cửa sau, nàng ráng trấn tĩnh đưa ngón tay che miệng ra hiệu cho chị người làm, “Đừng làm rộn ông bà, tụi *tui* ghé lại chút xíu rồi *đông* liền.” Nước mắt ràn rụa, nàng nhờ tôi viết vội bức thư để lại trên bàn phòng khách,

Chúng con viết thư này vào lúc sáu giờ thiếu năm chiều ngày 28 Tháng Tư. Vì quá đau lòng nên chúng con ra đi mà không có can đảm tử biệt ba má. Chúng con hứa sẽ dùm bọc lẫn nhau, sống chết có nhau, dù đến tận chân trời góc biển. Xin ơn trên phò hộ ba má và gia đình mình.

Để xe gắn máy ở nhà ba má Quỳnh Châu, chúng tôi đứng đón taxi khi cơn mưa chiều vừa tạnh. Taxi chỉ nhận chở tối đa ba hành khách, Bình dẫn Lâm và Trọng lên chiếc taxi thứ nhất đi trước. Vài phút sau, tôi vừa đón được chiếc taxi thứ hai, thằng Sang phóng xe Honda vù tới. Nó dựng xe trước hiên nhà và nhào lên taxi, không nói một lời.

Chờ ở Thủ Đức đến chiều mà dưỡng Hoàng chưa về, thằng Sang nóng ruột chạy về Sài Gòn. Mẹ đứng chờ trước cửa, cầm sẵn chiếc cặp da đựng tiền để nó giao cho tôi, và khóc meo máo, “Anh chị và các em *mi* đi rồi. *Tội chi lạ*, tội *hấn* trong lưng có tiền bạc *chi mô*.” Không biết chúng tôi đi đâu, thằng Sang chạy đến nhà ba má Quỳnh Châu mặc may. Chỉ cần trễ mười giây là hụt mất chúng tôi.

Đối với cha, dấn thân vào con đường phiêu lưu như thế là một hành động điên rồ: ra đi mà hy vọng “đi được” rất mong manh. Nhưng đối với một nhà khoa học như tôi, dù xác suất ấy nhỏ bé cách mấy đi nữa, nó vẫn lớn hơn zero – ở nhà không thể có cơ hội thành công. Tôi đâu có ngu!

NHỮNG TÍCH TẮC CỦA SỐ PHẬN

Lễ bàn giao giữa Tổng thống Xxxx Hoan và Tướng Yyyy Man diễn ra tại phòng Khánh tiết Dinh Độc lập vào lúc 4 giờ 45 chiều ngày 28 Tháng Tư với sự hiện diện của khoảng 200 người gồm đại diện Thượng và Hạ nghị viện, Tối cao Pháp viện, và Giám sát viện và một số tổng bộ trưởng trong chính phủ tạm quyền. Đài Phát thanh Sài Gòn trực tiếp truyền thanh buổi lễ, phóng viên đài tường thuật,

Thưa quý thính giả, vào lúc này thì bên ngoài Dinh Độc lập, chúng tôi nhận thấy trời đã bắt đầu mưa nhỏ và Sài Gòn đang trải qua một buổi chiều u ám như hoàn cảnh hiện tại của đất nước...

Sau khi nhậm chức, Tướng Man vừa về đến nhà riêng trên đường Trần Quý Cáp, một toán gồm ba chiếc khu trục cơ A-37 do một tên Việt Cộng nằm vùng trong Không quân dẫn đầu từ Phan Rang bay vào giới bom phi trường Tân Sơn Nhất. (Ba tuần trước, viên phi công phản phúc này đã lái phi cơ oanh tạc Dinh Độc Lập rồi bay ra với Việt Cộng.) Ngay lúc bom vừa nổ rền, chiếc taxi chở vợ chồng tôi và thằng Sang tới ngang hông Dinh Độc lập phía đường Hồng Thập Tự.

Từ bốn phương súng phòng không bắn lên nghe lốp bốp, chúng tôi sợ chết điếng người, tường Dinh Độc lập bị tấn công. Thằng Sang ngồi băng ghế trước vội vàng mở cặp rút ra mấy tờ bạc năm trăm – hơn mười lần giá *cuốc* xe, giúi cho bác tài xế và bảo cứ tiếp tục chạy tới trại Sĩ quan Cừ Long ở Thị Nghè.

Nhà Thiếu tá Khôi trong trại là nơi tôi hẹn gặp thằng Thống. Ba em Bình, Lâm, và Trọng lên taxi đi trước chúng tôi mấy phút cũng đi tới đó. Xe vừa tới cổng trại, lực lượng phòng thủ báo động, kéo vòng rào kẽm gai và *ngựa sắt* đóng cổng, và chĩa súng ống ra ngoài. Tôi xuống xe nhìn quanh và la thất thanh, “Bình ơi, tới chưa?” Không nói không rằng, thằng Sang kéo tay tôi và Quỳnh Châu chạy băng qua cổng. Chạm nửa giây là bị chặn lại không cho vào.

Tiếng súng nổ ran khắp nơi, ba đứa chạy lom khom tìm nhà Thiếu tá Khôi. Hú hồn, Bình và hai em đã tới và ngồi chờ trước hàng hiên nhà kế cận! Tôi bấm chuông gọi cửa, và một sĩ quan Hải quân trạc hơn ba mươi tuổi đáng người nho nhã ra mở. Anh bước hẳn ra ngoài, khép cửa lại thật nhanh, và hất hàm chờ đợi. Tôi mở lời.

-“Thưa có phải là anh Khôi? Tôi là bạn của Thống dạy trường Hóa học trong Phú Thọ, Thống em anh Nghiêm.”

-“Chính tôi, nhưng tôi không quen ai tên Thống và không có gì để giao dịch với anh,” anh biết tôi sẽ đến và đã liệu cách đối đãi.

-“Thống nói Hải quân cho phép gia đình lên tàu di tản, mong anh nghĩ tình anh Nghiêm và Thống mà giúp đỡ... Chúng tôi không bao giờ dám quên ơn,” tôi năn nỉ.

-“Tôi là quân nhân, không làm chuyện phạm pháp,” anh bước vào nhà và đóng cửa lại.

Anh Khôi còn độc thân và sống với mẹ và em gái, nhưng tôi thấy nhà sau lúc nhúc người. Tôi quay lưng đi và thoáng thấy anh chị Nghiêm đứng sau cửa sổ hé màn nhìn theo. Đài phát thanh loan báo lệnh giới nghiêm “hăm bốn trên hăm bốn” (24/24) cấm dân chúng ra đường, và trại Cửu Long *nội bất xuất ngoại bất nhập*. Tôi nhờ Quỳnh Châu và Bình kiếm chỗ tạm trú qua đêm và dặn nếu bị hỏi, nói chúng tôi ở Thủ Đức chạy giặc về Sài Gòn tìm bà con nhưng không gặp và lạc vào đây. Hai cô tìm được chỗ ngủ ở một nhà gần đó. Chị chủ nhà người Nam khoảng ba mươi tuổi có hai đứa con nhỏ, chồng là đại úy Hải quân đang đi công tác xa; chị niềm nở,

-“Mấy cô chú ở lại đêm nay với *tui* rồi mai hết giới nghiêm đi tìm bà con. Nhà có căn gác xép chồng tôi dùng làm nơi chứa đồ nhà binh *hầm bà lằng* của *anh*, các cô chú ngủ tạm dưới sàn *nghen*.”

Chị chủ nhà nấu cơm cho chúng tôi ăn. Tôi vừa ăn vừa coi *ti-vi* phát hình lễ bàn giao hồi chiêu tại Dinh Độc lập và ngáp dài khi nghe Tướng Man đọc diễn văn nhậm chức,

Chúng tôi đã chủ trương hòa giải với đối phương, không lý do nào chúng tôi không hòa giải được với anh em một nhà...

Sau một ngày căng thẳng mệt nhọc, đặt lưng xuống sàn là tôi ngủ say như chết. Vào khoảng hai giờ sáng, tôi giật mình nhổm dậy; đèn đuốc sáng rực rọi thẳng vào mặt, súng lên đạn lách cách gí vào ngực. Có tiếng hô lớn,

-“Đưa tay lên, không được cầm súng!”

Còn quáng mắt nhưng tôi thấy hai khẩu tiểu liên cùng với nhiều băng đạn nằm la liệt trên kệ gỗ thấp gắn vào vách tường phía đầu nằm mà đầu hôm tôi vô tình không để ý; tất cả đều trong tầm tay tôi. Thăng Sang tỉnh ngủ sớm nhất và hốt hoảng,

-“Không phải súng của chúng tôi. Đừng bắn, đừng bắn!”

-“Súng đạn trên gác của anh Quy chồng tôi,” từ dưới nhà chị chủ nhà lên tiếng xác nhận.

Sau khi xem xét giấy tờ tùy thân của chúng tôi, viên trung úy trưởng toán an ninh thở ra nhẹ nhõm và dịu giọng, nhưng vẫn giữ lại giấy tờ,

-“Chúng tôi được lệnh đưa các người về Bộ Tư lệnh để thẩm vấn.”

-“Tại sao vậy? Chúng tôi có làm gì trái luật đâu,” tôi cố cãi.

-“Đây là căn cứ Hải quân, các người xâm nhập trái phép và cư ngụ bất hợp pháp,” anh ta trả lời cụt ngắn.

Chiếc giang thuyền áp giải chúng tôi cùng một số người khác về Bộ Tư lệnh Hải quân chạy ngang qua sông Sài Gòn dưới bầu trời không trăng sao. Nơi tạm giữ những kẻ “cư ngụ bất hợp pháp” là căn phòng lớn kê nhiều giường bố; đó là chỗ ngủ của quân nhân trực đêm hay bị cấm trại. Chúng tôi không bị canh giữ, được phép ăn cơm ở nhà bàn bên cạnh, và có thể đi lại trong khu phòng ngủ và nhà bàn.

Tôi chờ đến gần trưa, không thấy ai đá động đến mình, và liên tiếp xin gặp sĩ quan trực để được giải quyết, nhưng bị từ chối. Đài phát thanh phát ra lời tuyên bố của Thủ tướng Zzzz Miếu vừa được bổ nhiệm chiều hôm trước kêu gọi “người anh em bên kia chấp nhận hòa giải dân tộc” và đòi hỏi “Mỹ rút khỏi Nam Việt nam trong vòng 24 tiếng đồng hồ.”

Tiếng súng nổ rất gần, có lẽ Cộng quân đã vào thành phố. Vào khoảng hai giờ chiều, quân nhân xôn xao bàn tán, “Hải quân công bố lệnh di tản và ra lệnh giải tán bộ Tư lệnh,” và những người bị tạm giữ khác đều được quân nhân Hải quân đến lãnh ra.

Khoảng bốn giờ chiều, đạn pháo kích rớt vào mấy dãy nhà kế cận, và trong phòng chỉ còn lại gia đình tôi. Tôi rợn người nghĩ tới lúc Việt Cộng vào đây và bắt gặp sáu tên “Ngụy quân” mặc thường phục nhớn nhơ trong Bộ Tư lệnh Hải quân. Đàng nào cũng chết, tôi liều mạng bước ra sân đứng dưới cột cờ và đưa tay lên cao đồng dục la lớn,

–“Tôi là giáo sư đại học, công chức chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, và có ngạch trật ngang hàng với trung tá. Tôi không làm gì phạm pháp mà bị các anh bắt giữ rồi không ngó ngàng đến. Việt Cộng còn được thủ tướng chính phủ gọi là ‘người anh em bên kia,’ trong khi người quốc gia chân chính như tôi bị các anh đối xử vô trách nhiệm như thế này. Các anh hèn nhát lo chạy trốn và không xứng đáng với châm ngôn ‘Tổ quốc – Đại dương!’” và tôi vĩnh mặt thách thức, “Các anh *ngon* bắn tôi đi! Việt Cộng vào nó giết tôi cũng vậy thôi.”

Một sĩ quan đội mũ lưỡi trai (hay *kết*, do tiếng Pháp *casquette*) kéo sụp vành che gần nửa mặt tới gần tôi, “Mời thầy vào gặp thiếu tá Quyền Tham mưu trưởng.” Viên thiếu tá trẻ tuổi ngồi sau chiếc bàn giấy lớn đứng dậy và trả lại xấp giấy tờ tùy thân,

–“Rất tiếc vị sĩ quan có nhiệm vụ điều tra hôm nay ‘đi vắng’ nên anh và gia đình bị giữ lại lâu, ngoài ý muốn của chúng tôi. Bây giờ quý vị tự do rời khỏi đây; thiếu úy Cường đưa quý vị ra.”

–“Thầy nhớ em không? Em học Vật lý đệ tam (lớp 10) với thầy ở trường Thánh Thomas trên đường Trương Minh Ký,” anh thiếu úy dờ *kết* nhìn tôi cười.

–“Anh nghịch phá nhất lớp, sao không nhớ? Đạo đó, tôi là sinh viên năm thứ hai, đi dạy học lần đầu, và bị các anh chọc phá *te tua* luôn,” tôi nhận ra Cường từ lúc nãy.

–“Em thấy thầy hồi trưa, nhưng *lon* nhỏ quá nên không dám hó hé – cho đến khi thầy lên tiếng làm dữ. Phải công nhận thầy gan cùng mình.”

Cường tiễn tôi ra cổng với một bịch nylon đựng cơm trắng,

–“Xin biểu thầy bịch cơm, thầy và gia đình sẽ cần tới trên đường di tản.”

–“Ô, Hải quân có khác, lo bỏ chạy quên ôm theo *ti-vi*,” tôi mĩa mai chỉ chiếc *ti-vi* để giữa cổng ra vào mở lên nhưng không có hình.

–“Dạ Bộ Tư lệnh để chiếc *ti-vi* ra đó cho lính coi buổi tối ông Thiện đọc diễn văn từ chức tổng thống, giờ không biết của ai để trả lại,” Cường then thùng giải thích rồi chỉ tay sang bên kia

đường Bến Bạch Đằng, “Thầy qua khỏi cổng Hải quân Công xưởng vào bên trong sẽ thấy có một số chiến hạm; chiếc nào có người là tàu sắp đi.”

Ra tới đường, tôi phân vân chưa biết phải làm gì thì Bình reo lên,

–“Nhà con Phượng bạn Gia Long của em kia kìa. Hồi đó con nhỏ ưa kêu em lại nhà chơi, nhưng dặn phải nhờ ông anh chở tới,” và quay sang cười với Quỳnh Châu, “Nó *mết* anh Ba Hoa mà ông giáo sư làm phách không để ý đến con gái cưng ông tướng *hai quần*.”

–“Vây mình qua nhà *cổ để ôông dôông* gặp lại *người yêu bé bỏng hí*,” Quỳnh Châu nheo mắt nhìn tôi cười.

–“Cô vợ dễ thương cứ phát ngôn bừa bãi đi. Nhưng qua đó rồi sẽ tính,” tôi gật đầu.

Phượng là con một vị tướng cầm đầu Hải quân, nhà ngay cạnh Bộ Tư lệnh. Người nhà Phượng lễ phép tiếp chúng tôi, cho biết cô và gia đình mới “đi xa,” cho phép chúng tôi ngồi nghỉ trước hiên nhà, và thỉnh thoảng mang ra mời khách một bình nước lọc để lạnh. Tôi khát khô cổ, uống nước vào bao nhiêu, đổ mồ hôi ra bấy nhiêu khiến áo sơ-mi ướt đẫm dán vào lưng. Cổng Hải quân Công xưởng cách xa không tới bốn chục thước, lính gác võ trang triệt để như sắp lâm trận. Suy tính nát nước, tôi thấy chỉ có mỗi một con đường – *một liều ba bảy cũng liều* – và lấy số tiền lớn mẹ cho, chia làm hai, và giao cho thằng Sang một nửa,

–“Anh lo chị Châu và thằng út Trọng, mày chăm con Bình và thằng Lâm. Khi Việt Cộng đánh tới và anh hô ‘Chạy,’ mày kéo hai đứa chạy ào vào cổng. Ném hết tiền cho lính gác, may ra *nó* tham tiền và thương tình không bắn mình. Không được ngó lui hay chờ ai hết. Nếu số mình chết bữa nay, hẹn kiếp sau anh em gặp lại nhau.”

Nhưng Trời thương không bắt chúng tôi trải qua tình cảnh bi thảm này. Khoảng năm giờ chiều, vòng rào kẽm gai ở đầu đường mở ra cho khoảng ba chục người mang hành lý nhẹ lục tục đi vào. Vị sĩ quan đi đầu mặc quân phục Hải quân màu ka-ki với cổ áo gắn ngôi sao bạc và ngấn ngực như người mất hồn; tôi khều thằng Sang,

–“Ai như cha Sĩ tướng Hải quân bạn cờ bạc của cha ở ngoài Nha Trang? *Hắn* đem cả bầu đoàn thể tử, chắc chắn là *đi* rồi.”

–“Đúng rồi, *hắn* chứ ai! Nhào *dzô* nhanh lên.”

Thằng Sang lẹ làng kéo chúng tôi nhập bọn với đoàn tùy tùng ông tướng, đi vào cổng trót lọt, và không bị ai xét hỏi. Nhớ lời chỉ dẫn của Cường, tôi tìm tàu có người, nhưng không thấy bóng dáng người nào trên các chiến hạm lớn nhỏ đậu dọc theo quân cảng, không biết rằng gia đình Hải quân lên tàu từ đêm trước và đang nấp dưới hầm tàu. Khi Mặt trời xuống thấp, chúng tôi thấy có người leo lên chiếc HQ-xyz thả neo gần chỗ đang đứng và leo lên theo. Sau đó người ta lên tàu càng lúc càng đông. Vây là chúng tôi lên được tàu Hải quân để *đi*!

Chiều hôm qua, thằng Thống và Diễm Sương vừa tới trại Cửu long, cổng cũng vừa đóng lại. Chỉ chậm chân không tới một giây, hai người kẹt lại Sài Gòn và phải sống với Việt Cộng năm năm trước khi vượt biên ra khỏi nước. Trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ vừa qua, sự việc xảy đến với tôi hết sức bất ngờ và mang theo những tích tắc đòng đưa trước mặt thần chết, và tôi không buông xuôi cho số phận đẩy đưa mà chiến đấu tới cùng. Nhờ *vận đỏ*, *trồng lau hóa mía*, tôi có thể tự hào,

Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều -(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

MỆNH NƯỚC NỔI TRÔI

Mười giờ rưỡi sáng ngày 30 Tháng Tư, 1975. Trên chiến hạm HQ-xyz ở hải phận quốc tế ngoài khơi Vũng Tàu, tôi và hơn hai ngàn người di tản khác đứng nghiêm hưởng về kỳ đài nhìn lá cờ vàng ba sọc đỏ từ từ hạ xuống và hát bài quốc ca mà nước mắt ràn rụa,

Này công dân ơi! Quốc gia đến ngày giải phóng

Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống...

Tiếng hát vang dội trên biển cả như tiếng hét bi tráng cuối cùng của con thiên nga trước khi chết. Nửa tiếng đồng hồ trước, đài phát thanh Sài Gòn phát đi lời tuyên bố đầu hàng và lệnh buông khí giới của Tổng thống Xxxx Man và nhật lệnh tương tự của vị tướng mới nhậm chức Phụ tá Tổng Tham mưu trưởng quân đội. Dù lệnh đanh trên biển, quân nhân Hải quân HQ-xyz vẫn tuân thượng lệnh và làm lễ hạ kỳ. Tôi quỳ xuống ôm mặt khóc khi bài hát vừa dứt,

Thoát cơn tàn phá, về vang nòi giống

Xứng danh nghìn năm giòng giống Lạc Hồng!

Chúng tôi là kẻ thất trận, là người vô tổ quốc. Từ nay sẽ tản mác khắp thế giới, lưu đày tha phương như người Do Thái khi xưa, hơn hai ngàn năm sau mới trở về cố hương. Quỳnh Châu mắt đỏ hoe ngời phịch xuống bên tôi, Bình khóc tức tưởi, và ba em trai ủ rũ nhìn mông lung về chân trời xa.

Chiều hôm qua, ngày 29, chúng tôi lên HQ-xyz khi mặt trời vừa khuất sau rặng cây bên kia bờ sông Sài Gòn. Người lên tàu càng lúc càng đông, đến chạng vạng tối thì tàu đầy người. Tôi và thằng Sang đứng ở đầu cầu thang giúp đồng bào mang hành lý lên và đỡ người lớn tuổi, phụ nữ, và em nhỏ bước qua thành tàu. Tôi chứng kiến các cảnh thân nhân lạc nhau kêu than thảm thiết vì kẻ đến được người không và các cuộc chia ly kẻ ở người đi thật não lòng. Khoảng mười giờ đêm, làn sóng người thưa dần, và một đôi thanh niên nói cười vui vẻ cùng nhau leo lên. Họ là hai anh em, em đáng sinh viên mặc quần dài áo sơ-mi trắng, và anh mặc quân phục màu cơ khí Hải quân. Em tới đầu cầu thang trước, anh đưa chiếc va-li nhỏ cho em và dặn dò,

-“Ra ngoại quốc em rán học thành tài cho rạng danh gia đình.”

-“Dĩ nhiên rồi! Anh ở bên cạnh, anh chỉ dạy việc gì khó khăn cách mấy em cũng rán hết sức,” em cười hãnh diện.

-“Không, em sẽ đi một mình và lo lấy thân mình,” anh nói trong nước mắt.

-“Sao vậy anh? Anh bỏ em một mình sao?” Em thất thanh la lớn.

-“Em đi mạnh giỏi. Anh phải về lo cho má, má già rồi em.”

Người anh bước ngược xuống và quay lưng đi về, em khóc nhìn theo cho đến khi bóng anh khuất trong màn đêm. Tôi xót lòng nghĩ tới mẹ ở nhà và thầm gạt nước mắt, “Mẹ ơi, xin mẹ tha thứ cho đứa con bất hiếu này.”

Chiến hạm HQ-xyz đậu sát bến và bên trong chiếc HQ-rst. Tàu này cột dây bên ngoài nhưng không ra đi nên HQ-xyz phải điều đình và yêu cầu thủy thủ đoàn di chuyển tàu nhường lối ra. Khoảng một giờ rưỡi sáng, HQ-xyz nhổ neo rời bến và ban đầu máy móc bị trục trặc phải nhờ tàu giòng (dùng để kéo xà-lan trong sông) của Ty Quân cảng kéo ra giữa sông. Tàu tắt đèn chạy

trong bóng tối, và mọi người trên *boong* được lệnh nằm rạp xuống sàn, giữ im lặng, và không được hút thuốc.

Ra khỏi sông Sài Gòn tới cửa Nhà Bè, tàu theo sông Xoài Rạp ra biển thay vì sông Lòng Táo là đường tàu bè thường đi lại. Sông Xoài Rạp tuy nguy hiểm hơn vì dòng sông quanh co và lòng sông hay bị ngư dân đóng *đáy* (lưới giăng ngang sông, giữa có cái đục to để bắt cá), nhưng đêm nay có thể tạo yếu tố bất ngờ, đỡ lo bị Việt Cộng phục kích trên bờ bắn xuống. Gia đình tôi nằm trên *boong*, sương đêm xuống ướt áo, và tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Khi tôi tỉnh dậy, trời rạng sáng và tàu ra đến biển.

Sau lễ hạ kỳ, Quỳnh Châu và Bình tìm được chỗ nằm cạnh gia đình anh Nghiêm và anh Khôi dưới hầm tàu. Anh Khôi Thiếu tá Hải quân là bạn thân của anh Nghiêm anh thằng Thống bạn tôi, và chính anh đã đưa gia đình anh Nghiêm lên tàu. Sau khi an vị, gia đình tôi nghĩ đến chuyện ăn và ngồi quây quần trên chiếu. Thằng Sang trịnh trọng mở bịch ni-lông cơm trắng nó ôm bên mình từ hôm qua, nằm ngủ cũng không rời, bịch cơm do Cường học trò cũ tôi biểu tiễn đưa tại cổng bộ Tư lệnh Hải quân. Em tôi giao hẹn,

–“Mỗi ngày một người chỉ được ăn hai nhúm. Anh *Ba Hoa* lớn ăn trước.”

Tôi đói là từ sáng sớm, nhúm cơm thứ nhất đi xuống khá suôn sẻ. Nhúm thứ hai, tôi ngửi thấy mùi thiu xông lên nồng nặc và gắng gượng nuốt làm gương cho các em – phần đầu để sống còn. Người kế tiếp là Quỳnh Châu, vừa cho tay vào bịch, nàng nhăn nhó kêu lên như khóc, “È... è... è *tui* không thấy đói.” Bình, Lâm, và Trọng thấy vậy cũng lắc đầu không ăn.

Thằng Sang giận, “Không ăn, đói nhăn răng rán chịu,” và bốc hai nhúm cơm cho vào miệng nhai nhóp nhép, cố gắng không nhăn mặt. Sau đó, tôi không còn thấy bịch cơm và không nghe thằng Sang đá động tới nó. Không có đồ ăn, nhưng chúng tôi không khát nước. Thằng Sang kiếm được cái bình plastic màu trắng và giao nhiệm vụ đi lấy nước do HQ-xyz cung cấp cho hai đứa út, Lâm và Trọng. Nước có mùi dầu nhưng không ai than phiền.

Chiều ngày 30, có hai nhân vật nổi tiếng đến “trú ngụ” cạnh chúng tôi: cha Lương và anh Đào. Cha trạc lục tuần mặc bộ áo dài trắng dân tộc, nét mặt hiền hòa, và ăn nói nhỏ nhẹ. Cha là triết gia dạy triết ở Đại học Văn Khoa Sài Gòn và viết sách xây dựng nền tảng triết lý Việt Nho chủ trương Nho giáo phát nguyên từ Việt tộc.

Anh Đào độ băm lăm, băm sáu tuổi, chăm lo cho cha từng li từng tí, và với giọng nói rồn rảng, anh thao thao thuyết giảng văn chương, triết lý, và phương pháp học chữ Hán (anh gọi là “chữ Nho”) cho tôi nghe. Anh là tác giả bộ sách *Chữ Nho Tự Học* gồm ba cuốn trình bày cách học chữ Hán mới bằng cách chiết tự, phân tích tượng hình, và hòa hợp với văn chương, và nhờ đó người học dễ nhớ và không quên. Thí dụ, anh dạy tôi cách nhớ chữ Xuân,

Xuân 春 (mùa xuân) gồm ba chữ: Tam 三, Nhân 人, và Nhật 日.

三 Tam: ba (nét trên chỉ Trời, nét giữa chỉ Người, nét dưới chỉ Đất; vậy Trời Đất và Người cộng lại là ba.)

人 Nhân: người (vẽ hình người đi).

日 Nhật: ngày hay mặt trời (vẽ hình mặt trời tròn).

Trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, chữ Nhật này là ngày Xuân, còn Tam Nhân là ba chị em Thúy Kiều, Thúy Vân, và Vương Quan đi dự hội đạp thanh.

Nhờ anh Khôi, tôi biết các chiến hạm di tản sẽ tập trung tại Côn Sơn, và với sự trợ giúp của Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương, hạm đội sẽ lên đường tới căn cứ Hải quân Hoa Kỳ trong vịnh Subic ở Phi Luật Tân. Dù biết rằng cuối cùng mình sẽ đến nơi chốn an toàn, nhưng trong suốt cuộc hành trình, chúng tôi không khỏi thấp thỏm lo âu. Từ bến cảng Sài Gòn ra biển, HQ-xyz *cán đáy* ở sông Xoài Rạp và bị thiệt hại khiến tàu chạy chậm lại, đi lệt đệt sau rớt, và cuối cùng bị hỏng máy phải nhờ một chiến hạm khác kéo đi.

Qua ngày thứ ba trên tàu, tôi bị cơn đói hành hạ mò lên *boong* một mình và mong gặp một người quen nào đó. Quả nhiên, tôi tìm thấy Ninh, sinh viên đệ nhị niên ban Điện (đã lên đệ tam niên năm hôm trước, nhưng em không hay) học với tôi ở Phú Thọ. Ninh và gia đình lên tàu nằm chờ từ đêm 28. Tôi cởi chiếc đồng hồ Seiko lên dây tự động có hai ô nhỏ chỉ ngày trong tuần và ngày trong tháng mang trên cổ tay suốt ngày đêm đưa cho Ninh,

-“Gia đình tôi không có gì ăn ba hôm nay. Có cái đồng hồ này, nếu có thể tôi đổi lấy một chút thức ăn.”

-“Dạ thầy cất đi và để em cố gắng xem sao.”

Ninh chạy về chỗ gia đình em trong khu vực bộ chỉ huy và trở lại với một gói mì Đại Hàn giấu trong áo sơ-mi bỏ ngoài quần, có lẽ lấy trộm từ đồ tích trữ của gia đình. Tôi nhét chiếc Seiko vào tay Ninh, nhưng em cương quyết không nhận rồi chạy mất. Gói mì khô bẻ ra làm sáu phần, chúng tôi mỗi đứa một phần cầm cự cho đến khi rời HQ-xyz.

Ngày thứ tư, tôi theo anh Khôi lên *boong* xem tàu Mỹ chạy cập vào tiếp tế nước uống và nhiên liệu. Trong khi anh giảng giải về trang bị tối tân và khả năng tàn phá của chiếc tàu Mỹ, tôi thèm thừng nhìn một thủy thủ trẻ tóc vàng hoe đứng giữa mấy cậu bạn và hút thuốc lá phi phà; họ cách xa không đầy năm thước và ngơ ngáo nhìn sang HQ-xyz. Tôi nghiện thuốc lá, thường mỗi ngày đốt ít nhất là hai gói, và nhịn thèm mấy hôm nay. Tôi lấy cây bút Parker giắt trên túi áo, xé tờ giấy trong cuốn sổ tay, và viết vội dòng chữ,

-Đây là cây viết quý. Tôi xin đổi với một gói thuốc lá, và các anh có thể giữ nó làm kỷ niệm. Cám ơn.

Tôi cài tờ giấy vào cái ghim trên cán bút và liệng bút sang tàu bên kia. Đám thủy thủ trẻ lượm tờ giấy đọc và bàn luận với nhau, và anh chàng hút thuốc lá chạy vào trong mang ra một gói thuốc mới và liệng sang cho tôi. Chưa hút hết điếu thuốc đầu tiên, tôi chạnh lòng nghĩ tới hai em Nhật Lệ và Định đang kẹt lại ở miền Trung và cảm thấy vô cùng ân hận về việc vừa làm. Cây bút đó, thuở em Định lạc loài đầu đường xó chợ, em đã hy sinh hai tuần lễ hoa nhài bán dạo để đánh đổi với Nhật Lệ và tặng “sư phụ đại ca” là tôi lúc ấy bỏ nhà *đi bụi đời*. Vì nhu cầu vật chất tầm thường, tôi đã đánh mất kỷ vật ghi khắc lòng thương yêu vô bờ của em tôi.

Hạm đội đến gần Phi Luật Tân, chính phủ Phi tuyên bố không cho phép tàu VNCH vào Vịnh Subic và không chấp nhận người Việt Nam tỵ nạn đặt chân lên đất Phi. Để giải quyết vấn đề thứ nhất, bộ chỉ huy hạm đội đề nghị trao trả các chiến hạm cho Hải quân Hoa Kỳ và như thế, tàu thuộc quyền sở hữu của Hoa Kỳ và đi vào căn cứ của mình. Hoa Kỳ chấp nhận giải pháp đó với ba điều kiện: phải ném vũ khí cá nhân và đạn dược xuống biển, phải thay cờ VNCH bằng cờ Hoa Kỳ, và phải xóa bỏ danh hiệu và danh số Việt Nam trên các chiến hạm. Mỗi chiến hạm tiếp nhận một toán sĩ quan liên lạc Hoa Kỳ, và trong lúc tàu chạy, tiểu đình Hoa Kỳ chạy cập sát sườn và sơn lấp các chi tiết nhận diện.

Đúng 12 giờ trưa ngày 7 Tháng Năm, lễ hạ cờ VNCH và trương cờ Hoa Kỳ cử hành trên tất cả chiến hạm. Trên chiếc tàu vừa bị xóa tên, tôi hát lớn bài quốc ca Việt nam yêu dấu lần cuối cùng thứ hai, quần quặn niềm đau mất quê hương một lần nữa, và bật khóc lâu hơn lần đầu. Buổi chiều, trước khi tàu vào hải cảng, tôi phụ giúp quân nhân Hải quân vứt bỏ súng đạn xuống biển và cảm thông nỗi đau xót của các anh khi phải giã từ vũ khí và chấm dứt đời binh nghiệp. Hải quân VNCH từ đây chỉ hiện hữu trong ký ức.

Tàu bỏ neo, quân nhân Hoa kỳ đứng ra điều động và hướng dẫn người tỵ nạn lên bờ, di chuyển chừng ba chục thước theo một lối đi hẹp dọc theo mé nước có chằng dây ngăn không cho bước lấn vào trong, và lên ngay một thương thuyền lớn tên là Green Wave (Sóng Xanh) để đi đảo Guam. Làm như thế để chúng tôi, những kẻ vừa mất nước, không vi phạm lệnh cấm lên bờ của chính phủ Phi. Tôi hiểu ra và không kèm được cơn giận dữ,

-“Tổ cha bọn Phi hèn nhất sợ thằng Việt Cộng són đái và chèn ép người ngã ngựa.”

-“Chồng ăn nói hay hí. Không sợ người ta cười chê là ông thầy ‘mất dạy’ rồi phát ngôn bừa bãi hay sao?”

Quỳnh Châu cười khúc khích gí nhẹ ngón tay vào vai tôi như để nhắc nhở rằng tôi chĩa mũi dùi vào sai chỗ. Làm sao có thể trách cứ Phi Luật Tân khi quân đội thiện chiến hàng thứ tư trên thế giới của mình chạy có cờ, hạm đội hùng hậu nhất Đông Nam Á này rút lui thành một đoàn tàu không tên, và tôi là kẻ hèn nhất bỏ nước ra đi? Tôi làm tôi mất nước, đổ thừa cho ai?

XỨ KHÁCH TÌNH NGƯỜI

Chiều ngày 7 Tháng Năm, ở hải cảng Vịnh Subic, đồng bào di tản trên các chiến hạm được quân nhân Hoa Kỳ khéo léo thu xếp và hướng dẫn sang thương thuyền để lên đường đi đảo Guam cách xa Phi Luật Tân khoảng một ngàn rưỡi cây số về phía Đông và là điểm cực Tây (tính theo chiều di chuyển) của lãnh thổ Hoa Kỳ. Trời sẩm tối khi gia đình tôi lên Green Wave (Sóng Xanh), một chiếc tàu chuyên chở dân sự rất lớn, và được chỉ tới một căn phòng rộng dưới hầm tàu. Sau đó người lên rất đông khiến tàu đầy ắp, và ngay cả *boong* tàu cũng không còn chỗ trống. Nằm trên *boong* có điều bất lợi là phải chịu ướt và lạnh khi trời mưa đêm.

Dưới ánh đèn điện mờ mờ, một anh lính Hải quân rất trẻ bưng ra một thùng các-tông in hàng chữ lớn “Navel Oranges from Florida” (Cam rổn Florida), không biết làm sao phân phát cho đám người đói khát hau háu nhìn, và lảng lảng để thùng cam ở góc phòng rồi rút lui. Đám đông nhào lại, mạnh ai nấy giành những quả cam vàng tươi. Tôi cố gắng tự chủ, tự nhủ *giấy rách phải giữ lấy lề*, và nhớ câu ca dao mẹ dạy từ thuở bé,

Miếng ăn là miếng tòi tàn,

Mất đi một miếng lợn gan lên đầu.

Nhưng khi chỉ còn hai quả cam lăn lóc trên sàn và con thú đói trong lòng bất thần nổi dậy, tôi nhảy tới chụp một quả và cảm thấy bên cạnh mình có người giật quả thứ hai. Tôi ngoảnh mặt sang và hời ôi nhìn ra kẻ tranh ăn kia là anh Dương giám đốc Ngành Xxxx (trước là trường chuyên nghiệp Xxxx) của Đại học Kỹ thuật Thủ Đức ở Phú Thọ. Anh tốt nghiệp kỹ sư bên Pháp về, từng phục vụ trong quân đội và làm đến chức trung tá, và là một vị giám đốc tôi kính vì nhất. Chúng tôi ngượng ngùng nhìn nhau không nói nên lời, và đó là lần cuối cùng tôi trông thấy anh.

Khoảng nửa đêm Green Wave nhỏ neo rời bến. Tôi thở phào nhẹ nhõm nhưng không biết mình vui hay buồn. Ở trên chiếc thương thuyền này nghĩa là chúng tôi đặt chân lên lãnh thổ Hoa Kỳ và được luật pháp Hoa Kỳ bảo vệ, nhưng từ nay tôi là kẻ bơ vơ nơi xứ khách quê người. Tôi ngồi dựa tường ngủ gà ngủ gật thì bỗng nhiên có một số người chen nhau bước vào phòng, có lẽ từ trên *boong* dờn xuống tránh mưa; thằng Sang gọi giật tôi dậy,

-“Anh *Ba Hoa* dậy mau. Ông Cẩn bạn của cha kia!”

-“Bác ở đâu?” Tôi đứng vọt dậy.

Bác Cẩn là bạn thân của cha thuở ngoài Quảng Bình, gia nhập quân đội cùng một lần, và học cùng một khóa Võ bị Liên quân Đà Lạt với cha. Tôi biết bác từ năm lên bảy, ngày bác là sĩ quan cấp úy đóng ở đồn An Hòa gần Huế. Ngày đó, mỗi khi bác đến nhà uống bia “*Larue*” (chai bia cao) với cha, tôi lảng vảng gần phòng khách hóng chuyện người lớn, bị mẹ bắt đứng chờ cha sai vặt, và bưng đĩa mực khô nướng dưới bếp lên mời khách. Tôi vừa đi vừa bứt mấy cọng râu mực cho vào miệng nhai nhóp nhép, bị cha thấy và tính cú đầu, và được bác can cha và xé cho miếng thân mực mềm ngon. Mấy năm gần đây cha về Sài Gòn nghỉ hưu, bác được thăng lên tướng và bổ nhiệm vào một chức vụ chính phủ quan trọng, và cha thường sai tôi tới gặp bác khi có chuyện nhờ vả.

Bác Cẩn cao lớn dềnh dàng, mặc quân phục cổ áo gắn hai ngôi sao bạc, và cùng với bác gái và hai cô con gái út mười lăm và mười bảy tuổi, khệ nệ khiêng chiếc rương nặng. Chắc hẳn rương đựng vàng, thứ của cải để dành và cất giữ chắc chắn nhất trong thời chiến tranh. Hai bác cháu nhận nhau; bác nắm tay tôi, giọng trầm buồn đầy nước mắt,

-“Ba con kẹt lại rồi. Ngày cuối cùng là ngày 29 ba gọi điện thoại cho bác, nhưng bác bó tay không có cách nào giúp ba và nói ba ráng tự lo liệu.” Thì ra cha ỷ lại vào bác nên chiều ngày 28 Tháng Tư cương quyết từ chối không ra tàu Hải quân với anh em tôi.

-“Lúc tụi con ra đi, cha quyết định ở lại, nói là ra khỏi Sài Gòn bằng tàu quá phiêu lưu và mạo hiểm,” tôi than thở.

-“Bác luôn luôn ước ao có đứa con trai thông minh và học giỏi như con. Bây giờ mình ra nước ngoài, bác cũng như cha và sẽ thay thế cha con. Bác cháu mình chung lưng góp sức, nương tựa vào nhau, và đói no cùng chịu trong một gia đình. Con thấy sao?”

-“Bác có lòng như vậy thật quý hóa, con mong ước gì hơn,” tôi cảm động vô cùng.

Green Wave là tàu chở hàng hóa nên chỉ có phương tiện vệ sinh cho thủy thủ đoàn và toán quân nhân Hải quân điều hành việc di chuyển. Để giải quyết vấn đề bài tiết của gần sáu ngàn người tỵ nạn, người ta dùng những thanh gỗ dài đóng thành các cầu tiêu lộ thiên trông giống như cái khung hình hộp chữ nhật và gắn chên vênh nhô hẳn ra ngoài mạn tàu. Đứng trên *boong* nhìn xuống mặt nước cách xa hơn ba chục thước thấy sâu thẳm thẳm đến phát khiếp, và trong khi tàu rẽ sóng chạy vun vút, ai dám *xăm mình* leo lên chiếc cầu... đoạn trường và “làm chuyện ấy” trước mặt hàng ngàn người khác?

Chúng tôi không có thức ăn vào bụng nên không lo chuyện tiện... lớn. Chuyện tiện... nhỏ đối với bọn đàn ông con trai khá dễ dàng: tìm chỗ ít người nhất, quay mặt ra ngoài, kê súng vào thành tàu, và bắn xuống nước, miễn là cẩn thận coi chừng hưởng gió để nước tiểu không bay ngược vào mặt. Tôi không biết làm sao Quỳnh Châu và Bình “làm chuyện ấy,” và không dám hỏi. Chiều ngày thứ hai trên tàu, hai cô đi ra ngoài về, Quỳnh Châu hãnh diện khoe,

-“Để giải quyết bầu tâm sự, hôm qua các bà các cô cử hai chị em làm đại diện đòi lính Mỹ phải nhường phòng vệ sinh cho phụ nữ dùng. Cô Bình nhà mình trở tài nói tiếng Anh thuyết phục, viên đại úy trưởng toán ô-kê (okay) liền cái rụp, và *chị em ta có quyền thơ thới hân hoan*, mặc dù phải đứng sắp hàng hai, ba tiếng đồng hồ.”

-“Thực ra là nhờ công của chị hết. Anh chàng Bill đó kính nể cô bạn đồng môn Đại học Stanford nên em mới thành công dễ dàng,” Bình khiêm tốn kể công chị dâu.

-“Trong lúc Bình nói chuyện, chị thấy chiếc nhẫn triện Bill mang ở ngón giữa rất quen thuộc vì chị cũng có một chiếc và buột miệng đọc câu châm ngôn bằng tiếng Đức ‘*Die Luft der Freiheit weht*’ nghĩa là ‘ngọn gió của tự do thổi.’ Câu đó sinh viên Stanford nào cũng biết, và nhờ vậy chị và Bill nhận ra nhau,” Quỳnh Châu gật đầu; nhẫn triện là nhẫn khắc huy hiệu và châm ngôn của trường đại học đã tốt nghiệp.

-“Nè hai ông anh, trưa nay hai chị em *đi hành sự* gặp lúc Bill đang ăn *ra-xông xê* (Ration C), chị Châu thấy trong hộp đồ ăn có gói thuốc lá tí teo này nên dừng lại xin cho hai anh,” Bình lấy gói thuốc lá nhỏ màu đỏ sẫm nãy giờ giấu sau lưng đưa cho tôi.

“Ration C” là khẩu phần cá nhân gồm thức ăn chín đóng hộp và một hay hai món nhu yếu khác cấp phát cho quân nhân Hoa Kỳ trong các đơn vị chiến đấu. Tôi mừng rỡ kêu lên,

“A, nhờ hai cô mót tè mà anh và thằng Sang có được hai điếu thuốc lá Pall Mall *Phải Anh Là Lính Mời Anh Lên Lầu* không có đầu lọc. Nhưng hai chị em đừng để mắt mặt mình *nghen*.”

-“Đáng lẽ không nên xin, nhưng thấy chòng thẩn thờ nhớ thuốc lá tội nghiệp quá em không đành,” Quỳnh Châu nắm tay tôi.

-“Cám ơn cô vợ dễ thương. Lâu rồi, từ thuở *đi bụi đời* sống lây lất trong Đại học xá Minh Mạng, đến kỳ *đi giang hồ* xa này anh mới bị tật nghiện thuốc lá hành hạ trở lại. Đạo đó, cứ gần cuối tháng chưa kịp lãnh lương dạy học là đời anh khổ khổ *te tua* vì hết tiền mua thuốc lá. Vì vậy trong những lúc nhâm nhi cà-phê đá của cái quán cóc lề đường ở Ngã Sáu Chợ Lớn, lũ bạn hay *chọc quê* anh bằng câu chuyện này,

Có một chàng tên là Bần mặt mày sáng sủa để coi nhưng lại nghèo kiết xác và mang tật nghiện thuốc lá. Khi túi tiền cạn khô, Bần bèn ca một đường,

Bạn vàng ơi hỡi bạn vàng,

Không tiền mua thuốc lợm tàn hút chơi.

Vào cái thời không ai hút thuốc lá có đầu lọc, tàn thuốc liệng đi vẫn còn một phần thuốc lá trong đó. Bần không những không vứt bỏ tàn thuốc mà khi túng tiền và cơn ghiền nổi lên, đi lợm tàn thuốc cũ đem về quán lại hút.

Cứ ba tàn thuốc, Bần quán lại thành một điếu thuốc mới. Một hôm Bần có 10 cái tàn thuốc, hỏi chàng ta có thể hút được bao nhiêu điếu?

Bình mỉm cười khoa tay,

-“Em biết ngay mà, chuyện ghiền thuốc là câu *đố dzui để chọc* của ông anh... hết thuốc chữa! Này *nghen*, lúc đầu chàng Bần lấy chín cái tàn, quán được ba điếu thuốc, và còn dư một cái tàn. Sau khi hút xong ba điếu quán được, Bần có thêm ba cái tàn mới, cộng thêm cái

tàn cũ là bốn. Quấn được điếu thứ tư và hút xong, Bàn còn lại hai cái tàn. Vậy hút tất cả bốn điếu, phải không?”

-“Bàn ta thông minh hơn mày nghĩ. Với hai cái tàn thuốc còn lại, Bàn hỏi ‘mượn’ cái tàn thuốc của bạn, quấn được điếu thứ năm, và hút xong đem trả lại bạn cái tàn cuối cùng. Bạn của Bàn có mất mát gì đâu! Tóm lại là năm điếu.”

-“Sao chàng Bàn nghe ra *y hịch* (*y hệt*) *ôông dôông tui vậy cà*,” Quỳnh Châu cười khanh khách.

Sau hơn hai ngày hải hành, Green Wave tiến vào hải cảng Apra ở mé Tây đảo Guam khi bình minh đang lên. Mặt trời ló lên ở cuối chân trời và chiếu ánh nắng ban mai lên vách núi đá thẳng đứng màu trắng ngà, tạo thành một trường thành rực rỡ giữa trời xanh núi thẳm và nước biếc. Tôi cùng Quỳnh Châu và các em lên *boong* dựa mạn tàu chiêm ngưỡng bức tranh cảnh tuyệt vời và xem tàu cập bến. Khi chúng tôi trở lại chỗ cũ để lấy túi xách và chuẩn bị xuống tàu, gia đình bác Cẩn đã ra đi từ lúc nào. Tôi gượng gạo biện hộ cho bác,

-“Có lẽ vì lý do an ninh, người ta mời bác là sĩ quan cấp tướng rời tàu trước tiên nên bác không thể đợi hay từ giã bọn mình. Nhưng thôi, anh em mình cứ *tà tà*, bon chen làm *chì* cho một xác.”

Chúng tôi theo dòng người lếch thếch xuống tàu, sắp hàng trên bến, nhích từng bước vào cái kho quân nhu trống tông hốc, và điền mẫu ghi danh ty nạn với nhân viên thiện nguyện hội Hồng thập tự trước khi lên xe buýt chạy gần hai cây số vào “Thành phố Lều” ở mũi Orote (Orote Point). Ngoài mẫu chung khai tên họ và ngày sinh của mọi người trong gia đình, chúng tôi điền mẫu riêng rẽ trả lời năm, sáu câu hỏi về tình trạng sức khỏe tổng quát của mình. Đọc tờ khai của Quỳnh Châu, cô y tá quan tâm,

-“Bà bị bón bao lâu rồi?”

-“Vào khoảng hai tuần, hay hơn nữa,” Quỳnh Châu tính từ ngày rời khỏi nhà Sài Gòn.

-“Bị bón đến hai tuần lễ! Bác sĩ ơi, lại đây mau lên,” cô y tá hô hoán.

Mấy phút sau, xe cứu thương nhà binh chộp đèn hụ còi chạy tới, hai người lính quân y khiêng băng-ca bước xuống, và cô y tá ra hiệu cho Quỳnh Châu nằm lên. Tôi hoảng hồn vội vàng kêu Bình theo xe cứu thương giúp Quỳnh Châu. Vị bác sĩ già bước lại gần tôi,

-“Bà nhà bị táo bón rất nặng, tôi cần gửi bà sang bệnh xá để quan sát.”

-“Chúng tôi không có thức ăn gần hai tuần nay, vợ tôi không bài tiết vì không có gì trong bụng,” tôi lo lắng cãi.

-“Tôi cũng nghĩ thế, nhưng cẩn thận vẫn hơn. Ông đừng lo, người ta sẽ đưa bà về trại với ông ngay sau khi biết chắc bà không sao. Chào mừng ông đến Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ, và chúc may mắn,” bác sĩ bắt tay tôi.

Bàn tay chào đón và cử chỉ thân thiện của bác sĩ khiến tôi xúc động. Hôm nay là ngày thứ mười ba từ khi tôi vĩnh biệt cha mẹ và rời bỏ quê hương. Số phận đẩy đưa qua nhiều cảnh huống buồn vui, giờ đây tôi đặt chân lên vùng đất lạ. Nơi này, người ta đón nhận tôi với tấm lòng rộng mở. Cảm ơn Trời Phật, cảm ơn đời, và cảm ơn người.

MỜ MỊT QUÊ HƯƠNG

Sau gần hai tuần lễ lênh đênh trên biển cả, chúng tôi cập bến đảo Guam, làm thủ tục nhập trại tại bến tàu Apra, và lên xe buýt về trại tạm trú trong căn cứ Hải quân ở mũi Orote (Orote Point).

“Thành phố Lều” (Tent City) chói nắng này là cả một thiên đường đối với những kẻ đói lúi đi đứng không vững và không có gì để trông mong như chúng tôi. Gia đình tôi được đưa tới căn lều nhà binh lớn gần bìa rừng ở cuối Khu 5 là khu lều xa nhất. Lều mới dựng lên, bên trong kê thẳng thớm khoảng ba chục cái giường bố.

Việc đầu tiên là giải quyết vấn đề dạ dày ở lều nhà ăn gần nhất. Thức ăn ngon lành và ê hề, muốn lấy bao nhiêu thì lấy; mặc dù bụng đói, tôi ăn không thấy ngon nhưng nhớ lời mẹ dặn hôm nào, “*Mi* ráng ăn, không ngon miệng cũng phải ăn cho nhớ bữa.” Kế tiếp là đi lãnh vật dụng như mền ngủ, khăn tắm, và xà phòng tắm. Phòng tắm lộ thiên nam nữ riêng rẽ, vách và sàn bằng gỗ tạp còn mới toanh, và nước vòi sen phun ra mát rượi. Ôi thật hạnh phúc khi được tắm mát và gột rửa hai tuần lễ mồ hôi đất cát và bùn dơ trên tóc tai và thân hình; tắm xong người nhẹ đi cả kí-lô.

Buổi chiều Quỳnh Châu đi tắm với Bình về than phiền,

-“Mấy thằng lao công đổ rác Phi Luật Tân nham nhở hết chỗ nói. Tụi nó ngồi trên băng ghế cao sau xe vận tải chạy vòng vòng quanh phòng tắm phụ nữ và *ting queo* nhìn các bà các cô tắm. Mọi người sợ quá tắm nguyên cả quần áo.”

-“Bọn Phi hèn nhất mọi rợ như vậy đó,” tôi còn hận chính phủ Phi Luật Tân từ chối không cho chúng tôi lên đất Phi.

-“Tụi nó hèn thì đành rồi, nhưng tại sao chịu tiếng ‘mọi rợ’?” Bình cười khúc khích.

-“Đầu thế kỷ thứ 16, nước mình đã có vua chúa và triều đình, và xã hội đã có nề nếp kỷ cương, tụi nó còn ăn lông ở lỗ và đớp thịt người như máy. Ferdinand Magellan, nhà thám hiểm đầu tiên đi vòng quanh quả đất và là người Âu châu đầu tiên đặt chân lên đảo Guam này, đi ngang qua vùng đảo Phi mắc dịch đó bị bọn cổ lỗ dã man bắt giết và xơi thịt ngon ơ. Mà học lịch sử thế giới lớp 12 quên rồi sao?”

Căn lều gần bìa rừng của chúng tôi không có gia đình khác ở; sáu đứa không phải chung đụng người lạ và tha hồ chọn nơi nằm ngủ. Đêm đầu tiên, tôi mệt nhoài nên đầu hôm ngủ ngon giấc. Nửa khuya, mưa đêm rơi lộp độp trên mái và gió thổi tấp bạt cửa kêu lạt bạt đánh thức tôi. Tôi miên man nhớ lại một ngày đầu thu hai mươi mốt năm trước, mẹ một thân một mình dắt anh Quang, tôi (lúc đó lên sáu), và thằng Sang di cư từ Quảng Bình vào Nam.

Con “tàu há mồm” cập bến Đà Nẵng, trại tạm cư là ngôi trường học có nhiều phòng rộng, và “nhà” của chúng tôi là chiếc chiếu trải dưới sàn xi-măng. Đêm đầu tiên ở trại tạm cư, tôi “lạ giường” và “lạ nhà,” thao thức nhưng cố nằm yên, và giữa đêm lén mở mắt nhìn mẹ. Mẹ ôm thằng Sang vào lòng khóc thút thít và lẩm bẩm, tôi nghe chữ được chữ mất, “Cầu Trời khẩn Phật... ba đứa con dại... sớm thoát khỏi cảnh đầu đường xó chợ.”

Đi sắp hàng lấy thức ăn, tôi thấy có rất nhiều ngư dân, dễ nhận ra vì họ chen lấn ồn ào, tranh giành inh ỏi, và xem chung quanh như là chốn không người. Người ta kể rằng trong mấy ngày tàn của VNCH, dân chúng các làng chài lưới ven biển hò nhau chất tài sản lên thuyền đánh

cá chạy ra hải phận quốc tế; được tàu Đệ thất Hạm đội Hoa Kỳ, tàu Hải quân VNCH, và thương thuyền di tản vớt; và do đó đến đây rất đông. Đông lắm!

Thành phố Lều do các quân nhân thuộc Sư đoàn 25 Bộ binh Hoa Kỳ đóng tại Bản doanh Schofield ở Hạ Uy Di điều hành trong chiến dịch Đồi Mới, và có tên chính thức là Trại Cầu Vòng, nhưng dân tỵ nạn lấy địa danh mà đặt tên thành “trại Orote Point.” Ngoài đám “danh ca,” tức là “đánh cá” không bỏ dấu tiếng Việt, trại gồm phần lớn là công chức quân nhân làng nhàng bậc trung như tôi. Những thành phần chính phủ Hoa Kỳ dự định và mong muốn di tản ra khỏi Việt Nam là nhân viên sở Mỹ, sĩ quan cao cấp, và viên chức chính phủ quan trọng thì được ở nhà tiền chế bằng tôn mạ kẽm màu trắng nhôm có mái cong hình bán nguyệt chạm tới mặt đất bên “Thành phố Thiếc” (Tin City), tức là trại Andersen trong căn cứ Không quân Andersen mé Bắc đảo Guam.

Tối ngày thứ hai, tôi lò mò lên “Ngã Năm Quốc tế.” Đó là khoảnh đất trắng nhựa gần bộ chỉ huy trại có trụ đèn cao sáng trưng nằm tại giao điểm của hai con đường chính là phi đạo cũ thời Đệ nhị Thế chiến. Ngã đường thứ năm là đoạn đường ngắn dẫn vào nhà để máy bay cũ nay làm nơi đặt bộ chỉ huy trại. Khoảnh đất đó là nơi bọn người tha hương tụ họp tìm người quen, trao đổi tin đồn, và cùng nhau đoán mò những gì sẽ xảy ra cho mình trong những ngày sắp tới. May quá, tôi gặp ngay Đồng, bạn đồng sự dạy ban Điện tử ở Ngành Điện của Đại học Kỹ thuật Thủ Đức ở Phú Thọ. Đồng nhỏ hơn tôi hai tuổi, là người Việt gốc Hoa quê ở Bạc Liêu, tốt nghiệp kỹ sư ở Mỹ về, và mới lập gia đình trước đây vài tuần.

Rời Sài Gòn trên thương thuyền Việt Nam Thương Tín thuộc sở hữu Công ty Việt nam Hàng hải, chiếc tàu viễn dương đầu tiên của VNCH, Đồng sôi nổi kể lại,

–“Sáng ngày 30, *tui* chạy bán sống bán chết qua bến Kho Năm Khánh Hội, leo lên tàu, và nhìn lại thấy lá cờ hai màu xanh đỏ của Việt Cộng đã trương lên trên Dinh Độc lập. Mười giờ hăm bốn phút, máy phát thanh trên tàu phát ra lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống Xxxx Man, một số quân nhân hối thúc và ép buộc thủy thủ đoàn phải ra đi, mặc dù thuyền trưởng đi đón gia đình chưa trở lại. Tàu kéo neo giựt xích rời bến khiến những người đang lơ lửng đu trên dây xích và đang chơi với leo lên cầu thang rớt phất xuống sông. Vài người lóp ngóp nổi lên, nhưng phần lớn chìm mất tăm. Lúc ấy, thuyền trưởng và vợ con xuất hiện trên bến, chỉ cách tàu một hay hai thước, nhưng không thể nhảy qua nên bị bỏ lại.”

Đồng lúc lắc đầu như muốn giữ ra những giờ phút kinh hoàng,

–“Tàu chạy hết tốc lực, vừa qua khỏi cầu Tân Thuận thì bị Việt Cộng phục kích trên bến Thủ Thiêm bắn B40 chọc lủng một lỗ lớn bên hông tàu. Trước khi đến cửa Nhà Bè, tàu bị pháo kích lần thứ hai, nhưng không bị thiệt hại. Qua khu rừng Sát dọc theo bờ sông Lòng Tảo, tàu bị tấn công lần thứ ba, và ba quả B40 bắn thẳng vào *boong* chính có đông người ngồi núp khiến ông Bình Chu và một em bé tử thương và 20 người khác bị thương. Hai người tử thương phải thủy táng khi tàu ra đến biển.”

B40 là một loại súng phóng hỏa tiễn chống xe tăng không giật được Việt Cộng sử dụng rộng rãi từ trận tấn công Tết Mậu Thân (1968), và Bình Chu là nhà văn nổi tiếng và chủ nhiệm một tờ báo lớn có uy tín ở Sài Gòn. Đồng thở phào,

–“Ba ngày sau, tàu lết vào Vịnh Subic ở Phi Luật Tân. Lính Mỹ lên tàu bắt giao nạp vũ khí, tịch thu phần lớn là súng tiểu liên M15 và M16, và đưa người bị thương xuống tàu để chữa trị. Sau

đó, họ sơn chông lên lá quốc kỳ cờ vàng ba sọc đỏ, vá lỗ lủng bên hông tàu, phát lương khô và thuốc lá, và yêu cầu tiếp tục lên đường tới đây.”

-“Trên tàu Đồng gặp ai quen ở Phú Thọ mình không?”

-“Đại học Kỹ thuật có năm người, và Đại học Cơ bản hai người. Hầu hết là dân du học Mỹ về, và phần lớn ra đi một mình. Đáng nói nhất là gia đình anh Thanh...”

-“Có phải anh Thanh dạy Yyyy bên Ngành Công chánh?”

-“Đúng. Anh chị ấy xui xẻo quá chừng, bị lạc mất thằng con trai sáu tuổi rưỡi.”

Tôi ngạc nhiên la lớn,

-“Sao lạc mất, lạc trên bến hay rớt xuống nước?”

-“Không rõ. Thấy anh chị Thanh quá rầu rĩ, không ai dám hỏi vì không nỡ khêu lại vết thương lòng của anh chị ấy. Tuy nhiên, ngày cuối cùng ở trên tàu, *tui* nghe một ông trung tá không quen kể lại,

Khi tôi cố gắng đưa vợ và hai đứa con nhỏ lên tàu, một rùng người ùn ùn tiến tới. Tôi đi trước, một tay bế thằng con út ba tuổi, tay kia xách cái va-li nhỏ chứa giấy tờ và hình ảnh, và lưng đeo ba-lô đựng quần áo và các thứ cần dùng. Cầu thang dốc và trơn trượt, tôi trượt chân, và cái va-li tuột ra rơi bẳng xuống sông khiến tôi giật mình mất thăng bằng, liêu xiêu chực ngã ra ngoài, và tuyệt vọng quơ tay tìm chỗ bám. Trong cái tích tắc kinh khiếp đó, có một bàn tay không biết của ai vươn ra giữ chặt cánh tay tôi – nhờ vậy hai cha con không rơi xuống. Tôi gượng lại, bò lên sàn tàu, và sau đó kéo vợ và thằng con đầu lên.

Tôi vừa quay lưng rời cầu thang, có tiếng đàn bà hoảng hốt, “Con tôi, con tôi rớt rồi... Ôi con ơi là con!” Tôi nhìn lại, có người đang đỡ người đàn bà ngất lịm vào sàn tàu. Người chen nhau lên tàu không dứt, không ai có tinh thần hay thì giờ quan tâm đến thằng bé vừa lìa tay mẹ lọt xuống nước.

Tôi băn khoăn về Khang Khanh vợ mới cưới của Đồng, bây giờ mới đánh bạo hỏi,

-“Đồng đi một mình hay với gia đình? *A Hín* đâu?” “*A Hín*” là nàng Khanh hay cô Khanh trong lối gọi tên của người Triều Châu.

-“Gia đình họ hàng nội ngoại *tui* đều ở dưới Bạc Liêu. Một tuần trước khi *chạy*, *tui* nghe lời *tía má* về quê cưới vợ, và *a Hín* còn dạy ở trường trung học Bạc Liêu nên chưa thể về Sài Gòn. Không dè hôm trước còn hy vọng ‘hòa giải dân tộc,’ hôm sau mất nước *cái ào*, *tui* sợ hoảng vù ra bến tàu lên tàu Việt Nam Thương Tín theo bản năng tìm đường sống của con thú bị dồn vào bước đường cùng,” nước mắt chảy dài trên má Đồng.

-“Đồng đừng buồn. Ở hiền gặp lành, biết đâu trời sẽ cho hai người sớm tái ngộ.”

-“Anh biết không, *tui* và *a Hín* sinh ra nhà đã ở cạnh nhau, hàng ngày chơi đùa với nhau, đi học cùng đường cùng trường cùng lớp mười mấy năm, và thương nhau từ thuở chưa biết yêu. Vậy mà lấy nhau chưa được mấy ngày đã nửa đường đứt gánh.”

Nét mặt khổ đau tột cùng của Đồng khiến tôi nhớ đến bài thơ “Tương Giang” của Lương Ý Nương đời nhà Hậu Chu (907- 955),

Quân tại Tương giang đầu

*Thiếp tại Tương giang vĩ
Tương tư bất tương kiến
Đồng ẩm Tương giang thủy.*

Chàng ở đầu sông Tương
Thiếp ở cuối sông Tương
Nhớ nhau mà không gặp
Cùng uống nước sông Tương.

(Bản dịch của Hoàng Nguyên Chương)

Sông Tiêu Tương tỉnh Hồ Nam bên Trung Hoa xưa kia chia cách hai kẻ yêu nhau có thắm thía gì so với Thái Bình Dương bao la, cộng thêm bức màn sắt ác nghiệt nhất thế gian mới áp đặt lên quê hương, ngày nay ngăn trở đôi uyên ương chấp cánh?

Sáng hôm sau, tôi và Quỳnh Châu dậy sớm, nắm tay nhau đi khoảng hai cây số ra bãi biển. Bãi còn vắng người, chúng tôi ngồi trên cát nhìn ra các hòn đảo xa xa ngấm bình minh lên. Chúng tôi ngồi yên lặng rất lâu, Quỳnh Châu ngả đầu trên vai tôi thủ thỉ,

-“Em biết chồng nhớ mẹ, vì em cũng nhớ ba má. Anh có biết chỗ mình ngồi đây bây giờ chính là điểm cực Tây (tính theo chiều di chuyển) của lãnh thổ Hoa Kỳ? Bốn ngàn cây số bên kia bờ đại dương là quê hương đã mất của vợ chồng mình.”

-“Anh biết *chớ*. Ra ngồi đây anh có cảm tưởng mình sống trong câu ca dao,

Chiều chiều ra đứng ngõ sau,

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.”

Tôi biết đôi mắt Quỳnh Châu đăm lẹ vì mặt biển xanh thắm cũng mờ đi trong mắt tôi. Hiện tại “ngõ sau” của chúng tôi là bãi cát mũi Orote gần nhất với quê mẹ, nhưng mai đây sẽ là nơi chốn nào? Tôi dụi mắt tự nhủ, thôi thì tới đâu hay đó – *lo cho lấm tấm cũng ở trường!*

MẸ ĐI ĐƯỢC RỒI

Ngay từ phút đầu tiên đặt chân lên chiến hạm Hải quân chiều ngày 29 Tháng Tư, tôi đã nuôi hy vọng mẹ sẽ có cách thúc đẩy cha đi thoát khỏi Sài Gòn. Hai mươi mốt năm trước, mẹ một thân một mình bất chấp bất trắc hiểm nguy đưa ba đứa con đại từ Quảng Bình di cư vào Nam tìm tự do. Ngày nay, không những với lòng can trường và nhẫn nại hiếm có, mẹ có thể dùng đến một phương tiện ít người có: Chiếc tàu Đông Sơn chở thuê hàng hóa ra miền Trung của công ty vận tải hàng hải mẹ hùn vốn làm chủ với chị Giáng chị dâu của thằng Chí bạn tôi. Đông Sơn nằm bến từ cuối Tháng Ba vì “thời buổi chộn rộn *ni*, có ma *mô* mà làm ăn,” mẹ chép miêng.

Đông Sơn cập bến hải cảng Apra năm ngày sau khi tôi đến trại Orote Point. Chúng tôi hồi hộp chờ dưới bến nửa ngày trời và lần lượt nhìn mặt gần một ngàn người đứng sắp hàng làm thủ tục nhập trại, nhưng không thấy bóng dáng cha mẹ. Sau đó, tôi tự an ủi biết đâu trời sẽ đoái thương và cho gia đình mình đoàn tụ, và tìm thấy chỗ trống nào trên mặt gỗ nơi có người qua lại là vội vàng dùng viết nguyên tử ghi lời nhắn tin tìm cha mẹ, và hàng ngày đưa mẫu tin nhờ đọc trên hệ thống truyền thanh chỗ đông,

Ông bà Xxxx Thông nếu đi được xin liên lạc với con là Xxxx Ba Hoa tại Lều số 9, Khu 5. Ai biết được tin ông bà Thông xin cho biết, chúng tôi vô cùng biết ơn.

Tôi liên lạc với thế giới bên ngoài bằng thư. Cả gia đình sáu người sắp hàng trước văn phòng hội Hồng thập tự xin giấy viết thư và phong bì, mỗi ngày một người chỉ được phát một tờ giấy trắng khổ nhỏ và một cái phong bì nhỏ. Viết thư đề địa chỉ ngoài bì xong đưa lại cho người ta gửi mới được lãnh thêm giấy và phong bì mới. Hồng thập tự gửi thư giùm miễn phí, nhưng báo trước không nhận thư bên ngoài gửi vào. Chắc hẳn em Triết kể thằng Sang ở Houston thuộc tiểu bang Texas và các bạn tôi ở ngoại quốc từ Âu sang Á đã biết tôi ăn chực nằm chờ trên đảo Guam. Triết du học Hoa kỳ từ năm 1972 và học năm thứ ba ngành kỹ sư hóa học.

Tôi viết thư hàng ngày cho Bảo và anh Leon, hai người bạn thân ở Nhật Bản. Bảo học chung với tôi ở trường kỹ sư và nhà ở cạnh nhà trọ tôi. Ông cụ của Bảo là bác Vân yêu mến và thường gọi tôi đến nhà ăn giỗ hay dự các buổi hội họp gia đình, cả sau khi Bảo đi Nhật học cao học ở Đông Kinh (Tokyo). Anh Leon trước phục vụ trong đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế tại Việt Nam và học tiếng Việt với tôi ở Ban Mê Thuật khi “ông thầy” còn là học sinh trung học. Đạo đó, anh hay đến nhà tôi và “bị” mẹ mời ăn đủ thứ món ăn Huế cay chảy nước mắt. Anh dạy đại học ở Sapporo, thành phố lớn nhất trên đảo Hokkaido phía Bắc nước Nhật. Đạo ở Sài Gòn, Bảo và anh Leon đã từng đi chơi chung với tôi và quen nhau.

Sáng hôm ấy, tôi lười biếng nằm trên giường và không đi ăn sáng với Quỳnh Châu và các em. Một lát sau, thằng Sang hớt hơ hớt hải chạy về,

-“Anh lên bộ chỉ huy nhanh lên, loa phóng thanh gọi tên anh ầm ĩ đó. Chị Châu và con Bình nghe thấy nói *tui* chạy về trước báo cho anh hay.”

-“Anh chưa đi sao?” Quỳnh Châu cũng vừa về tới lều, nàng thở không ra hơi.

-“Trình diện” bộ chỉ huy trại, tôi được đưa vào một văn phòng nhỏ của Hồng thập tự. Ống nghe điện thoại được nhắc ra nằm chờ trên bàn, tôi cầm lên trả lời bằng tiếng Anh,

-“A-lô, tôi nghe.”

-“Leon đây em. Chúc mừng em thoát khỏi Việt Nam, và chào mừng em đến Hiệp chúng quốc Hoa kỳ,” giọng nói ấm áp thân thiết của anh Leon mang lại cho tôi một luồng sinh khí mới.

-“Thật không ngờ, có bao giờ tôi nghĩ sẽ có ngày nói chuyện với anh trong hoàn cảnh này. Anh đang ở đâu?”

-“Tôi ở Sapporo và cố gọi cho em hai ngày nay. Hôm kia Bảo bạn em từ Đông Kinh điện thoại cho tôi.”

Tôi cảm thấy có điều gì khác lạ,

-“Bảo nói gì với anh?”

-“Tin mừng vô cùng. Bảo nhờ tôi báo tin cha mẹ em đã tới Hương Cảng (Hong Kong),” tôi cảm thấy anh Leon ở đầu dây bên kia mỉm cười thỏa mãn.

-“Thật không?” tôi giật mình ngạc nhiên suýt buông rời ống nghe.

-“Ông bà đang ở trại tỵ nạn trên bán đảo Cửu Long (Kowloon). Em yên chí đi, sớm muộn gì em cũng sẽ đoàn tụ với bác gái.”

Sau cuộc điện đàm viễn liên đầu tiên trong đời, tôi chạy như bay về lều. Trên khoảng đường năm cây số, tôi không ngớt hoa chân múa tay la lớn như thằng điên,

-“Mẹ đi được rồi! Mẹ đi được rồi!”

Chiều ngày 28 Tháng Tư, anh em chúng tôi quỳ lạy vĩnh biệt cha mẹ và ra đi. Suốt đêm đó, mẹ rã họng khuyên giải và thúc giục cha, nhưng cha khẳng khăng không chịu, nói là ra đi bằng tàu quá phiêu lưu và mạo hiểm. Qua ngày 29, tình hình thấy rõ là tuyệt vọng, và phi cơ trực thăng Hoa Kỳ bay đầy trời *bốc* người đi, cha sang nhà hàng xóm dùng nhờ điện thoại gọi bác Cấn. Bác là bạn thân của cha và là một tướng lĩnh giữ chức vụ quan trọng trong chính phủ; bác than dài,

-“*Tui* chịu thua rồi anh ơi. Anh ráng ra bến tàu Sài Gòn tìm đường mà đi, chớ *tui* không giúp *chi* được anh.”

Bấy giờ cha mới ngưng chửi rủa “mấy đứa con bất hiếu bất mục bỏ cha mẹ mà đi để đâm đầu vô chỗ chết” và nghe theo lời mẹ. Sáng ngày 30, cha mẹ ra bến Kho Năm Khánh Hội lên chiếc Đông Sơn tàu nhà. Gia đình anh chị Giáng và vợ chồng thằng Chí đã có mặt từ sáng sớm. Tàu không có người điều khiển, thuyền trưởng đón gia đình chưa trở lại, và số thủy thủ đoàn có mặt ít ỏi không đủ để đưa tàu ra biển. Người ta ùn ùn lên đông như kiến, *boong* tàu không còn chỗ chen chân. Quân nhân ô-mi-ti-ên M16 vào phòng lái chìa súng lên đạn đòi tàu phải lập tức rời bến. Chị Giáng sợ hết hồn, giục gia đình xuống bến về nhà. Cha hoảng hốt kéo tay mẹ,

-“Đi về; không nghe lời *mụ* nữa! Nguy hiểm như *ri* đi để mà chết à?”

Cha mẹ vừa mở cửa bước vào nhà, chiếc *ra-đi-ô* xách tay mẹ luôn luôn đem theo bên mình phát ra lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống Yyyy Man. Mẹ rụng rời buông *ra-đi-ô* xuống sàn. Lần này cha “chạy trốn chết” (lời của mẹ) trở lại bến tàu. Đông Sơn đã ra đi, và khắp thương khẩu chỉ còn lại thương thuyền Viễn Đông. Người ta ùa tới như nước vỡ bờ và xô đẩy và chen lấn leo lên cho bằng được. Cha mẹ bước xuống chiếc ghe nằm sát bờ và khi ghe cặp vào thành tàu, kêu gào năn nỉ nhờ đồng bào kéo lên. Kéo năm lần bảy lượt mới lên tới *boong*.

Một giờ 25 chiều, Viễn Đông nhổ neo rời bến. Chưa ra khỏi sông Sài Gòn, tàu bị trục trặc máy móc rồi mắc cạn. Tình cờ chiếc tàu giòng (dùng để kéo xà-lan trong sông) Lương Bình từ Vũng Tàu về chạy ngang qua. Quân nhân trên Viễn Đông và hai chiếc tàu Hải quân gần đó bắn súng thị uy buộc Lương Bình dừng lại và bắt dây lái kéo Viễn Đông ra khỏi cạn. Viễn Đông chuồi ra giữa sông khi đêm xuống đen và hỏa pháo Việt Cộng bắn lên trời ăn mừng thắng trận soi sáng khu rừng Sát dọc theo sông Lòng Tảo. Chiếc Lương Bình nhỏ bé ì ạch kéo chiếc Viễn Đông to lớn và chở nặng qua 45 hải lý hãi hùng, và hai con tàu ra tới cửa biển lúc tám giờ sáng ngày mồng 1 Tháng Năm.

Buổi chiều, Viễn Đông bắt đầu náo động. Tàu không có thực phẩm, nước ngọt chứa trong hầm lái bị phá hoại xả hết, và hai người tự tử trên *boong*. Cha đói bụng và khát nước hoa mắt,

và nhìn chung quanh thấy dường như anh quân nhân nào cũng đang gian giảo rình rập cha để trả thù cá nhân hay cướp đoạt tiền của. Nỗi kinh hãi nung nấu trong lòng mấy ngày qua nổ bùng lên. Cha la lớn tự xưng tên tuổi, chửi bới lung tung, cời trần phơi mình, và mở toang xắc tay cho mọi người thấy không có vàng hay đô-la. Ai nấy đều hay “ông Thông cựu sĩ quan cao cấp từng giữ chức vụ quan trọng ngoài miền Trung” đi trên tàu và bị loạn trí.

Ở gần chỗ cha mẹ ngồi bỗng có tiếng kêu thất thanh, “Người rớt xuống biển! Có người tự tử!” Người rớt xuống có dáng dấp rất giống cha. Vị thuyền trưởng quyết định quay tàu trở lại vớt kẻ không may. Nạn nhân đã ba hoa phát ngôn bừa bãi và bị một số quân nhân ghét mặt xúm lại đập xuống biển nên sau khi được vớt không dám tiết lộ thân thế hay lý do rớt xuống. Khắp tàu ai cũng in trí cha đã nhảy xuống biển tự tử.

Gần nửa đêm, máy tàu và máy đèn đều tê liệt, nước tràn vào phòng máy, có nguy cơ tàu đắm, và thuyền trưởng gửi tín hiệu SOS trên băng tần cầu cứu quốc tế. Mười hai giờ trưa ngày mùng 2, nước tràn vào khoang và tàu chìm từ từ. Bất ngờ, cứu tinh xuất hiện – tàu chở hàng Đan Mạch Sveva Maersk đáp lại tiếng kêu cầu cứu. Sveva Maersk mà chậm chân hai tiếng đồng hồ thì Viễn Đông và gần bốn ngàn người đã vùi thân dưới đáy biển.

Sveva Maersk đánh điện xin đưa hải khách được cứu vớt lên Hương Cảng, nhưng chính phủ địa phương từ chối. Sau hai ngày lo lắng trên tàu, đám người tỵ nạn được Nữ hoàng Elizabeth Đệ nhị nước Anh lúc ấy đang kinh lý thuộc địa này đặc cách cho phép nhập cảnh. Những kẻ vừa lìa xa quê hương tới bến bờ tự do nhưng với lòng trĩu nặng,

Khi đi thấy đường đã xa

bây giờ đường về xứ

còn xa hơn nghìn lần.

Trên hai mươi vạn bàn tay

dắt dìu nhau đến đây

ngàn đời xa cố hương.

(Lam Phương – “Con Tàu Định Mệnh”)

Từ trại tỵ nạn Cửu Long, cha viết thư cho Triết khi tôi còn lênh đênh ở vùng biển Côn Sơn trên chiến hạm Hải quân,

Anh em con ra đi và đã chết trên biển cả. Con không nên tưởng nhớ đến chúng nó mà cần dồn mọi nỗ lực lo cho cha mẹ sang Mỹ ở với con. Con là hy vọng của cha mẹ...

Từ đảo Guam, tôi chuyển qua Trại Pendleton ở California, lên North Dakota định cư vào cuối Tháng Tám, và vài ngày sau đi làm kỹ sư cho một công ty tiện ích. Cha mẹ bay sang Hoa Kỳ và tới trại tỵ nạn Đồn Chaffee ở Arkansas. Cuối tháng Chín, cha bấm bụng lên North Dakota nhập chung với vợ chồng tôi và bốn đứa em, không như ý muốn nhưng cha không có lựa chọn nào khác. Triết chưa ra trường, phải bỏ học đi làm thợ tiện để sinh sống, thuê *apartment* (căn phòng ở *bin-dinh*) ở chung với bạn, và không đủ điều kiện bảo trợ cha mẹ. Tôi có lại mẹ sau năm tháng dài xa cách và tưởng chừng như đã mất. Cám ơn Trời Phật!

Cuối năm tây, Triết nghỉ lễ Giáng sinh về North Dakota thăm gia đình tôi mới biết làm sao anh Leon biết tin cha mẹ đi được. Nguyên do là sáng ngày 30 Tháng Tư, hai bác Vân ra bến Kho

Năm nhảy lên tàu Viễn Đông đi như cha mẹ, và khi đến Hương Cảng, bác trai viết thư cho Bảo báo tin và kể chuyện cha “toan tự tử” trên tàu. Bảo biết tôi ở Guam, nhưng không có cách nào để báo tin nên điện thoại cho Triết. May sao Triết có địa chỉ và số điện thoại anh Leon tôi gửi sang trong những ngày dự định di tản, nhờ đó Bảo gọi cho anh Leon. Anh mất hai ngày mới tiếp xúc được với tôi.

Nếu chuyến đi của cha mẹ là cơ duyên do sức huyền bí sắp đặt thì vòng dây liên lạc Hương Cảng – Đông Kinh – Houston – Sapporo – Guam kết nối nhanh chóng là nhờ một phát minh kỳ diệu của người trần thế: máy điện thoại có khả năng xóa bỏ tức thời mọi khoảng cách không gian. Tôi biết ơn ông Alexander Graham Bell (1847-1922) vô cùng./.

HẾT

Nguyễn Ngọc Hoa.

Nguồn: <https://saigonnhonews.com/nhin-lai-lich-su/ky-uc-30-4/nhung-tich-tac-cua-so-phan-11/>

www.vietnamvanhien.org

